

Số: 670/2024/CV-PGB

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển**

- Mã chứng khoán: **PGB**

- Địa chỉ: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024 62811298

Fax: 024 62811298

- E-mail: [vphdqt.pgbank@pgbank.com.vn](mailto:vphdqt.pgbank@pgbank.com.vn)

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh Thắng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) công bố thông tin về việc ban hành Báo cáo thường niên năm 2023 (*Nội dung chi tiết theo file đính kèm*).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/4/2024 tại đường dẫn: <https://www.pgbank.com.vn/nha-dau-tu/cong-bo>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT

*Tài liệu đính kèm:*

- Báo cáo thường niên 2023



**Phạm Mạnh Thắng**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2023**



## MỤC LỤC

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

#### I. Thông tin chung về ngân hàng

	01
Thông tin khái quát	03
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	07
Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	09
Định hướng phát triển	15
Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu của PGBank	17

#### II. Tình hình hoạt động trong năm

	19
Các sự kiện nổi bật	21
Hoạt động kinh doanh	25
Tình hình tài chính	26
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	27
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	28
Chính sách liên quan đến người lao động	29

#### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

	31
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	33
Tình hình tài chính	35
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	37
Kế hoạch phát triển trong tương lai	37
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến của kiểm toán	38

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ngân hàng

	39
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng	41
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	42
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	42

#### V. Quản trị Ngân hàng

	43
Hội đồng quản trị	45
Ban kiểm soát	47
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	48



# Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý vị.

Năm 2023 với nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn thách thức của nền kinh tế cả trong nước và quốc tế. Nhưng với sự nỗ lực của mỗi Doanh nghiệp, Cá nhân và sự hợp tác chặt chẽ hiệu quả của Ngân hàng và Quý đối tác, Quý khách hàng, PGBank đã vượt qua khó khăn và đạt được những thành tựu nhất định.

Đối với PGBank, năm 2023 còn là một năm với đầy ắp sự kiện đánh dấu một bước ngoặt mới trên hành trình phát triển của Ngân hàng. Ngày 28/12/2023, PGBank chính thức ghi dấu ấn ở tuổi 30 với việc thông báo thay đổi nhận diện thương hiệu mới với tên gọi mới, logo mới.

"Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển" - Tên gọi mới đi kèm với slogan "Luôn cùng bạn thành công" bao hàm ba yếu tố "Thịnh Vượng, Phát Triển và Thành Công" đã được Ban lãnh đạo Ngân hàng, các Cổ đông và Đối tác chiến lược gửi gắm và đặt trọn niềm tin đồng hành cùng Quý đối tác, Quý khách hàng.

Năm 2024, với kỳ vọng nền kinh tế khởi sắc hơn để PGBank hợp tác sâu rộng và toàn diện cùng với Quý đối tác, Quý khách hàng. Chúng tôi mong muốn được tiếp tục nhận được sự đồng hành của Quý đối tác và Quý khách hàng trên chặng đường phát triển của PGBank.

Chủ tịch HĐQT

Phạm Mạnh Thắng



# I. Thông tin chung về ngân hàng



NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

# Thông tin khái quát

<b>Tên đầy đủ</b>	<b>NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN</b>
<b>Tên tiếng Anh</b>	PROSPERITY AND GROWTH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
<b>Tên viết tắt</b>	PGBank
<b>Tên giao dịch</b>	Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển
<b>Giấy phép thành lập</b>	Số 42/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/06/2021.
<b>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>	1400116233 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 02 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/11/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 21/12/2023
<b>Vốn điều lệ</b>	3.000.000.000.000 đồng

<b>Hội sở chính</b>	Tầng 16, 23 và 24, Tòa nhà Miprec, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam		
<b>Website</b>	www.pgbank.com.vn	<b>Email</b>	dvkh@pgbank.com.vn
<b>Điện thoại</b>	(+84) 24 6281 1298	<b>Fax</b>	(+84) 24 6281 1299
<b>Mã số thuế</b>	1400116233	<b>Mã SWIFT</b>	PGBLVNVX
<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>PGB</b>		

## Quá trình hình thành và phát triển



Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười, chính thức hoạt động theo giấy phép số 0045/NH-GP ngày 13/11/1993. Sau khi Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tham gia góp vốn vào Ngân hàng và trở thành cổ đông lớn, Ngân hàng TMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười đổi tên thành “Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex”, có tên viết tắt là “PG Bank” theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN ngày 08/02/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

# 1993



# 2024



Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/07/2021 về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Petrolimex đã hoàn tất thủ tục thoái vốn tại PG Bank và chính thức không còn là Cổ đông lớn kể từ ngày 31/08/2023.



Được sự chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2346/QĐ-NHNN ngày 19/12/2023, PGBank chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển cùng với nhận diện thương hiệu mới.

## Các sự kiện khác



### Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông

#### Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) thoái vốn thành công

Ngày **28.08**  
**2023**

NHNN có Công văn 6760/NHNN-TTGSNH về việc chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn tại PGBank. Theo đó, Petrolimex thoái vốn thành công và không còn là cổ đông lớn tại PGBank.

#### Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Ngày 25/04/2023, PGBank tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để thông qua một số nội dung chính như:

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2022
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2022
- Thông qua kế hoạch tài chính năm 2023
- Xây dựng triển khai phương án tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 và một số vấn đề khác



#### Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

Ngày 23/10/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PGBank - mã chứng khoán PGB) đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2023.

Tại đại hội, Ngân hàng đã trình ĐHĐCĐ thông qua 4 nội dung chính, trong đó có nội dung về phương án cơ cấu nhân sự cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

Bên cạnh đó, Đại hội đã thông qua phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 và thông qua thay đổi tên thương mại, chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của PG Bank về địa chỉ: Tòa nhà HEAC số 14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại hội cũng thông qua phương án tăng vốn điều lệ sớm hơn 2 năm so với yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Kế hoạch này nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hiện đại hóa công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của PGBank trong giai đoạn mới.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

- ▶ Nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- ▶ **Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:**
  - Cho vay;
  - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - Bảo lãnh ngân hàng;
  - Phát hành thẻ tín dụng;
  - Bao thanh toán trong nước.
- ▶ Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- ▶ **Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:**
  - Cung ứng phương tiện thanh toán;
  - Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- ▶ Mở tài khoản: tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- ▶ Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- ▶ Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- ▶ Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- ▶ Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- ▶ Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- ▶ Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- ▶ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- ▶ Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- ▶ Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- ▶ Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- ▶ Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- ▶ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- ▶ Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- ▶ Mua nợ.



**18**  
CHI NHÁNH



**64**  
P. GIAO DỊCH

**15**  
TỈNH THÀNH

## Địa bàn kinh doanh

PGBank có 18 chi nhánh và 64 phòng giao dịch trải dài trên 15 tỉnh, thành phố toàn quốc. Năm 2023, PGBank đã thực hiện thành công chuyển địa điểm đặt trụ sở của 01 Chi nhánh và 04 Phòng giao dịch. Kế hoạch năm 2024 PGBank dự kiến sẽ mở mới 05 Chi nhánh và 04 Phòng giao dịch, chuyển trụ sở văn phòng làm việc Hội sở chính và chuyển trụ sở của 07 Chi nhánh, 09 Phòng giao dịch về địa điểm mới. Tổng số Chi nhánh và Phòng giao dịch sau khi mở mới dự kiến sẽ lên 91 điểm bao gồm 23 Chi nhánh và 68 Phòng giao dịch trải dài trên 19 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Hiện tại PGBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý với gần 200 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng trên toàn thế giới, trong đó PGBank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu tại từng quốc gia và vùng lãnh thổ.

Tại Việt Nam, PGBank có quan hệ với tất cả các định chế tài chính trong nước bao gồm: Ngân hàng Thương mại Nhà Nước, Ngân hàng Thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các công ty tài chính và các định chế tài chính khác.



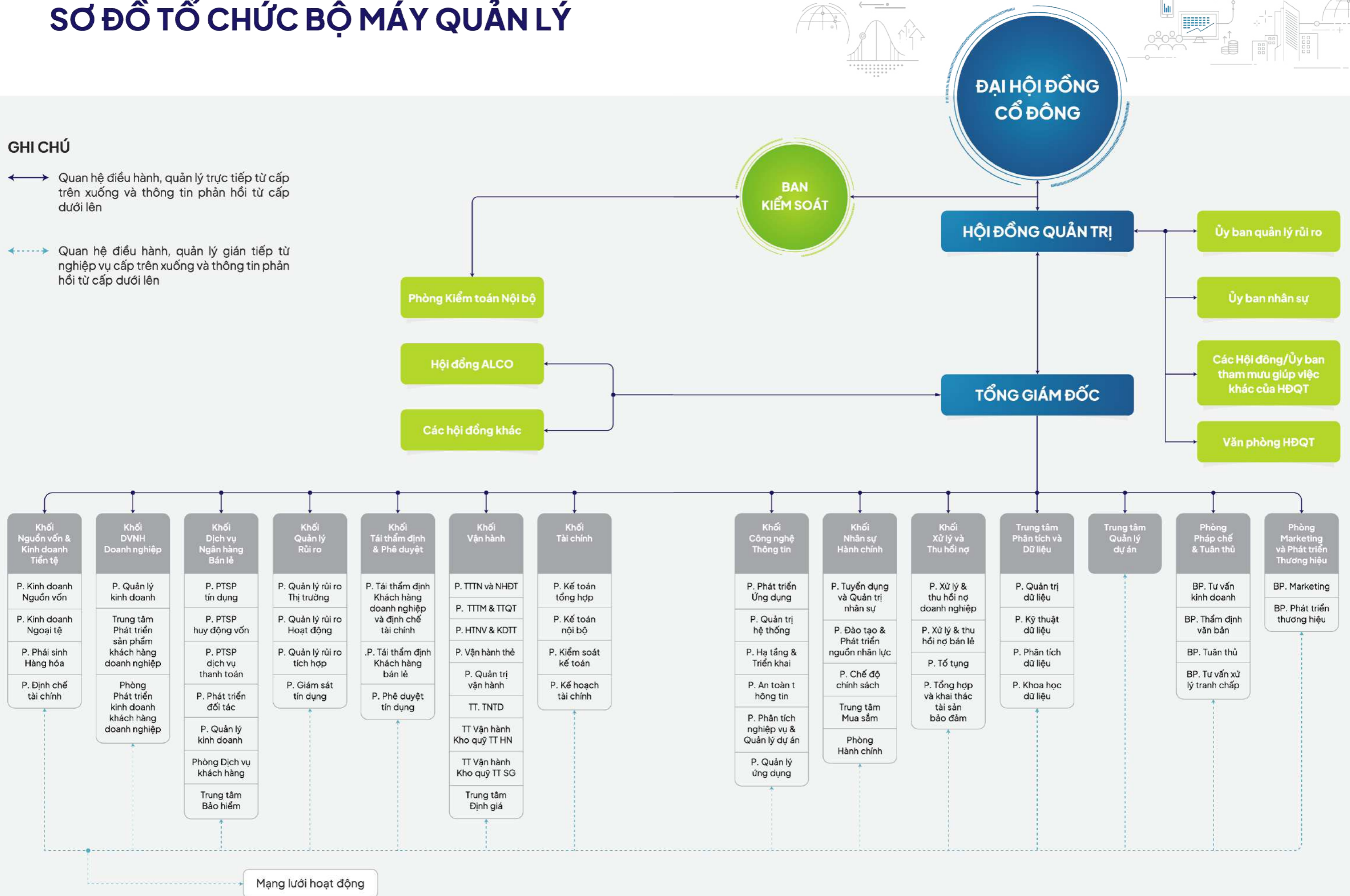
# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



## GHI CHÚ

↔ Quan hệ điều hành, quản lý trực tiếp từ cấp trên xuống và thông tin phản hồi từ cấp dưới lên

↔↔ Quan hệ điều hành, quản lý gián tiếp từ nghiệp vụ cấp trên xuống và thông tin phản hồi từ cấp dưới lên





# Giới thiệu bộ máy

## Hội Đồng Quản Trị



### Ông Phạm Mạnh Thắng

Chủ tịch  
Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Mạnh Thắng là Tiến sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng. Ông Phạm Mạnh Thắng đã từng công tác tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Giám đốc chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Tháng 09/2023, Ông Phạm Mạnh Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của PGBank. Ngày 23/10/2023, Ông Phạm Mạnh Thắng thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và chính thức được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị PGBank.



### Ông Đào Phong Trúc Đại

Phó Chủ tịch  
Hội đồng Quản trị

Ông Đào Phong Trúc Đại là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học California, Miramar, Hoa Kỳ. Ông Đại có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị doanh nghiệp. Trước đây, Ông Đào Phong Trúc Đại là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Ngày 23/10/2023, Ông Đào Phong Trúc Đại chính thức được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT PGBank.



### Bà Đinh Thị Huyền Thanh

Thành viên Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc

Bà Đinh Thị Huyền Thanh là Tiến sĩ Tài chính Ngân hàng - Đại học Tổng Hợp Maastricht, Hà Lan. Bà Đinh Thị Huyền Thanh đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đảm nhiệm quản lý cấp cao của DLL Financial Services Inc. (Rabobank Group) tại Hà Lan và Mỹ. Từ tháng 07/2021 đến tháng 06/2023, Bà giữ chức danh Giám đốc/Cố vấn Trung tâm Quản trị rủi ro mô hình và Thẩm định mô hình, Khối Quản trị Rủi ro, Ngân hàng Techcombank. Tháng 08/2023, Bà Đinh Thị Huyền Thanh được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực PGBank. Tháng 10/2023, Bà được bầu làm thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc PGBank. Ngày 17/11/2023, Bà Đinh Thị Huyền Thanh chính thức được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của PGBank.



### Ông Đinh Thành Nghiệp

Thành viên  
Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Thành Nghiệp tốt nghiệp Đại học Kinh tế và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị. Ông Nghiệp từng giữ chức Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười - tiền thân của PGBank. Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng TMCP đô thị, từ năm 2005 đến nay, Ông Nghiệp đảm nhiệm vai trò là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PGBank. Với nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý, Ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt PGBank đi qua những năm tháng đầu đầy khó khăn để có được những thành công như hiện nay.



### Ông Vương Phúc Chính

Thành viên HĐQT,  
GD Khối Dịch vụ ngân hàng bán lẻ

Ông Vương Phúc Chính là Cử nhân Tài chính Kế toán - Học viện Tài chính, Hà Nội. Ông Vương Phúc Chính có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đã từng đảm nhiệm vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Tháng 09/2023, Ông Vương Phúc Chính gia nhập PGBank và giữ vị trí Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Bán lẻ. Ngày 23/10/2023, Ông Vương Phúc Chính chính thức được bầu làm Thành viên HĐQT PGBank.



### Ông Nguyễn Thành Lâm

Thành viên  
Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Nguyễn Thành Lâm là Thạc sĩ Kế toán và Tài chính Doanh nghiệp - Trường Đại học Sydney. Ông Nguyễn Thành Lâm có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, đã từng công tác và giữ vị trí quản lý cao cấp tại Công ty TNHH Kiểm toán VACO (tiền thân của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Kiểm toán UHY và Công ty TNHH Kiểm toán DTL (tháng 8/2016 đổi tên thành Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam). Hiện nay Ông Nguyễn Thành Lâm đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Đại Dương Xanh. Ngày 23/10/2023, Ông Nguyễn Thành Lâm chính thức được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập của PGBank.

## Danh sách HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Phạm Mạnh Thắng	Chủ tịch HĐQT	0%
Đào Phong Trúc Đại	Phó Chủ tịch HĐQT	0%
Đinh Thị Huyền Thanh	TV HĐQT, TGD	0%
Vương Phúc Chính	TV HĐQT, GD Khối DVNH Bán lẻ	0%
Đinh Thành Nghiệp	TV HĐQT, Phó TGD	1%
Nguyễn Thành Lâm	TV HĐQT độc lập	0%

## Ban Kiểm Soát



**Ông Trần Ngọc Dũng**

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Dũng là Cử nhân Trường Đại học Kinh tế TP HCM và Trường Đại học Luật TP HCM. Ông Trần Ngọc Dũng có 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam. Tháng 04/2023, Ông gia nhập PGBank với vai trò Trợ lý Tổng Giám đốc và được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Kiểm toán nội bộ PGBank từ tháng 07/2023. Ngày 23/10/2023, Ông Trần Ngọc Dũng chính thức được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát PGBank.



**Ông Trịnh Mạnh Hoán**

Thành Viên Ban kiểm soát

Ông Trịnh Mạnh Hoán - tốt nghiệp Cử nhân Ngân sách - Trường Đại học Tài chính Kế toán. Ông Trịnh Mạnh Hoán đã có trên 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán. Ông đảm nhận chức vụ Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành I tại Kiểm toán Nhà nước và nghỉ hưu từ tháng 03/2017. Ngày 23/10/2023, Ông Trịnh Mạnh Hoán được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách PGBank.



**Bà Hạ Hồng Mai**

Thành Viên Ban kiểm soát

Bà Hạ Hồng Mai tốt nghiệp Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Mai đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng với nhiều vị trí công tại các Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Trước khi là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát vào tháng 10/2019, Bà Mai là Trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển.

## Danh sách Ban Kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Trần Ngọc Dũng	Trưởng BKS	0%
Trịnh Mạnh Hoán	Thành viên BKS chuyên trách	0%
Hạ Hồng Mai	Thành viên BKS chuyên trách	0%

## Ban Điều Hành

**Bà Đinh Thị Huyền Thanh**

Tổng giám đốc

Bà Đinh Thị Huyền Thanh là Tiến sĩ Tài chính Ngân hàng - Đại học Tổng Hợp Maastricht, Hà Lan. Bà Đinh Thị Huyền Thanh đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đảm nhiệm quản lý cấp cao của DLL Financial Services Inc. (Rabobank Group) tại Hà Lan và Mỹ. Từ tháng 07/2021 đến tháng 06/2023, Bà giữ chức danh Giám đốc/Cố vấn Trung tâm Quản trị rủi ro mô hình và Thẩm định mô hình, Khối Quản trị Rủi ro, Ngân hàng Techcombank. Tháng 08/2023, Bà Đinh Thị Huyền Thanh được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực PGBank. Tháng 10/2023, Bà được bầu làm thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc PGBank. Ngày 17/11/2023, Bà Đinh Thị Huyền Thanh chính thức được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của PGBank.



**Ông Đinh Thành Nghiệp**

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đinh Thành Nghiệp từng giữ chức Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười - tiền thân của PGBank. Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng TMCP đô thị, ông đảm nhiệm vai trò là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PGBank. Ông Nghiệp tốt nghiệp Đại học Kinh tế và Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đã hoàn thành chương trình đào tạo Cao cấp Lý luận Chính trị. Với nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý, ông đã góp phần quan trọng dẫn dắt PGBank đi qua những năm tháng đầu đầy khó khăn để có được những thành công rực rỡ như hiện nay.



**Ông Nguyễn Thành Tô**

Phó Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Nam California, Mỹ và Cử nhân Kinh tế của Học viện Ngân hàng, ông Nguyễn Thành Tô đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trước khi gia nhập PGBank, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao như: Phó Trưởng phòng kinh doanh Ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Phó Giám đốc Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông và Phó Tổng Giám đốc Công ty tài chính Vinaconex - Viettel. Ông cũng đã tham dự nhiều khóa đào tạo chuyên sâu về kinh doanh tiền tệ, ngoại hối và sản phẩm thị trường tài chính tại nhiều nước trên thế giới. Tại PGBank, Ông Tô giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc và được giao phụ trách điều hành hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ.



**Bà Nguyễn Thị Thu Hà**

Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hà tốt nghiệp Cử nhân kinh tế; với 25 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực Ngân hàng, Bà Hà đã trải qua các vị trí: Phó phòng phụ trách Phòng tài chính kế toán - BIDV Cầu Giấy, Trưởng phòng Kế toán Tài chính, Khối Tài chính - Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.



Từ tháng 08/2016 đến nay Bà Nguyễn Thị Thu Hà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiêm kế toán trưởng - Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Sứ mệnh, tầm nhìn và các mục tiêu chủ yếu

Xây dựng một ngân hàng hiện đại, minh bạch và chuẩn mực, với cam kết mang lại giá trị đích thực cho cộng đồng và xã hội.

SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

Đồng hành cùng khách hàng để thành công và tầm nhìn thống nhất về một tương lai Thịnh vượng và Phát triển

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

#### Thứ nhất

PGBank tập trung phát triển các sản phẩm mang tính chuyên biệt hóa cao, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng, cho dù đó là nhu cầu tài chính cá nhân, tăng trưởng kinh doanh hay giải pháp ngân hàng sáng tạo. Mỗi sản phẩm của PGBank là sự kết hợp giữa hiểu biết sâu sắc về khách hàng và áp dụng linh hoạt công nghệ hiện đại, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

#### Thứ hai

PGBank đặt mục tiêu ứng dụng công nghệ để nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả kinh doanh và trải nghiệm khách hàng. Quá trình chuyển đổi số tại PGBank tập trung vào việc tạo ra những trải nghiệm ngân hàng liền mạch, an toàn và phù hợp với từng nhu cầu riêng biệt. Chúng tôi cam kết thu hẹp khoảng cách giữa ngân hàng truyền thống và công nghệ số, đảm bảo phục vụ được khách hàng nhanh nhất và tốt nhất, để chúng tôi có thể luôn song hành cùng khách hàng trong hành trình hướng tới thành công.

#### Thứ ba

Tại PGBank chúng tôi tin vào phương châm Nhân viên hạnh phúc - Khách hàng hài lòng. Một đội ngũ nhân viên hạnh phúc sẽ mang đến dịch vụ xuất sắc và sự hài lòng cho khách hàng, làm tiền đề để PGBank phát triển bền vững. Chính vì vậy, chúng tôi chú trọng xây dựng môi trường làm việc tích cực với cơ hội phát triển nghề nghiệp công bằng và chăm sóc tốt cho nhân viên.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

HDQT Ngân hàng đã xây dựng chiến lược 2024-2026 và tầm nhìn 2030 tập trung vào những chỉ tiêu quan trọng sau:



#### Nâng cao năng lực tài chính

Tiếp tục thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ nhằm củng cố và nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu về mở rộng quy mô kinh doanh và phát triển tối đa các nguồn lực.

#### Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

Nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ, giám sát quy trình và kiểm toán hệ thống.

Hoàn thiện cơ cấu quản trị, điều hành, quản lý rủi ro đảm bảo hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

#### Hoạt động kinh doanh

Đẩy mạnh xử lý nợ xấu và hạn chế nợ xấu phát sinh; cải thiện chất lượng tài sản, đặc biệt là chất lượng tín dụng, phấn đấu hoàn thành mục tiêu xử lý nợ theo đúng kế hoạch và lộ trình tại Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu tại PGBank giai đoạn 2021-2025.

PGBank phấn đấu là ngân hàng phát triển mạnh về dịch vụ bán lẻ, có quy mô trung bình về tổng tài sản trong hệ thống các NH TMCP của Việt Nam; có năng lực cạnh tranh cao với các dịch vụ tiện ích, sản phẩm chuyên biệt phù hợp với các phân khúc khách hàng khác nhau; khai thác tối đa, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật hệ sinh thái của các đối tác chiến lược..

#### Công nghệ

Đầu tư công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại trong quản trị và hoạt động nhằm tối ưu hóa năng suất lao động đồng thời quản trị rủi ro một cách chủ động.

#### Nguồn nhân lực

Kiện toàn cơ cấu tổ chức, đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp và đạt hiệu quả cao, phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn toàn diện.

Quản lý tối ưu chi phí nhân sự, nâng suất lao động, tạo môi trường làm việc văn minh, công bằng, nhân văn để người lao động hoàn toàn yên tâm làm việc, cống hiến vì sự phát triển của PGBank.

## Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm đã trở thành mục tiêu của nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam cũng không nằm ngoài quỹ đạo chung đó. Sớm nhận thức được yêu cầu cấp bách, PGBank lựa chọn chiến lược phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm làm mô hình phát triển tổ chức là một đòi hỏi tất yếu khách quan và coi đây là nội dung, yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển:

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu... phát triển tổ chức một cách bền vững, sáng tạo.
- Nâng cao nhận thức và hành động của cán bộ nhân viên về phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm của Việt Nam.
- Với quan điểm, "Con người là trung tâm của sự phát triển, phát triển vì con người, do con người", PGBank nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới căn bản, toàn diện và đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm; chú trọng nguồn nhân lực công nghệ kỹ thuật số chất lượng cao; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ quản lý cấp cao, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.
- Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó và thích nghi có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng và chống dịch bệnh.

## Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu của PGBank

### Các rủi ro từ môi trường bên ngoài

#### BỐI CẢNH KINH TẾ

### Các rủi ro từ môi trường bên trong

#### HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI

Mạng lưới Chi nhánh/Phòng giao dịch còn ít về số lượng và nhỏ về quy mô dư nợ sẽ là một áp lực trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng với yêu cầu ngày càng cao.

#### CÔNG NGHỆ

Hạ tầng công nghệ, cơ sở thông tin dữ liệu còn hạn chế và mới bắt đầu quá trình nâng cấp/đầu tư mới hệ thống lõi để có thể đáp ứng được các yêu cầu quản trị, chiến lược phát triển của PGBank.

#### LÃI SUẤT

PGBank chịu áp lực lớn từ các ngân hàng có ưu thế về quy mô và nguồn vốn giá rẻ, cạnh tranh với lãi suất rất thấp trong việc thu hút và giữ chân khách hàng (tiền gửi và cho vay) đặc biệt là các khách hàng lớn.

#### Nền kinh tế thế giới

Kết thúc năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Lạm phát tuy hạ nhiệt, nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu.

#### Kinh tế Việt Nam

Dù còn nhiều khó khăn song kinh tế năm 2023 đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng ghi nhận và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tăng trưởng kinh tế đạt 5,05% (tuy thấp hơn mục tiêu nhưng là mức cao so với các nước trên thế giới và khu vực), lạm phát được kiểm soát ở mức 3,25% (thấp hơn mục tiêu khoảng 4,5% Quốc hội đặt ra), các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, tạo động lực cho phát triển bền vững trong thời gian tới.

#### Dự báo nền kinh tế năm 2024

Kinh tế Việt Nam được dự báo thuận lợi và khó khăn song hành. Rào cản lớn nhất là tác động tiêu cực từ bên ngoài (nhất là đà tăng trưởng chậm lại ở Trung Quốc, Nhật Bản, Đức và căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông, Nga - Ukraina vẫn là những biến số khó lường).

#### XÃ HỘI

Hành vi tiếp cận nhân hàng, mua sắm online đã trở thành thói quen của nhiều người tiêu dùng sau đại dịch và được dự báo tiếp tục tăng trong thời gian tới. Xu hướng này mang tới nhiều cơ hội cho doanh nghiệp mọi quy mô để kết nối phát triển kinh doanh trực tuyến. Đây là cơ hội để PGBank đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ theo hướng số hóa của mình nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.

#### CÔNG NGHỆ

Theo chủ trương của Chính phủ, ngành Ngân hàng là ngành tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số; nhiều sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho khách hàng đã được số hóa, trong đó nhiều nghiệp vụ đã số hoá 100% góp phần hỗ trợ khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng, giảm chi phí cho nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội đối với PGBank trong việc hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh.

#### PHÁP LÝ

Hệ thống pháp lý ngân hàng ngày càng hoàn thiện hơn và yêu cầu cao hơn theo các chuẩn mực quốc tế như lộ trình áp dụng Basel II nâng cao, Basel III của NHNN đã và đang đặt ra những thách thức nhưng cũng là cơ hội để PGBank củng cố niềm tin với khách hàng và các nhà đầu tư trong quá trình hoạt động.

## II. Tình hình hoạt động trong năm



## Các sự kiện nổi bật

Ra mắt thương hiệu mới,

**30** năm  
**HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG**  
**Thịnh vượng và Phát triển**

NGÀY  
**23.12**  
**2023**

LỄ GIỚI THIỆU  
**NHẬN DIỆN**  
**THƯƠNG HIỆU MỚI**  
& **KỶ NIỆM 30 NĂM**

28.12.2023

tại Hà Nội, Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) chính thức ra mắt tên gọi mới và giới thiệu nhận diện thương hiệu mới nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập ngân hàng.

Theo đó, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Quyết định số 2346/QĐ-NHNN chấp thuận đổi tên Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (PGBank). Việc thay đổi tên gọi, nhận diện thương hiệu đánh dấu giai đoạn phát triển mới của PGBank với chiến lược kinh doanh mới, hướng tới những giá trị mới cho khách hàng.

Với tên gọi mới này, PGBank muốn nhấn mạnh vào hai yếu tố: "Thịnh vượng" và "Phát triển" - hai từ mang ý nghĩa đặc biệt với không chỉ bản thân ngân hàng mà với cả khách hàng của mình.



Phần

**THỊNH VƯỢNG**

Phần "Thịnh vượng" trong tên gọi thể hiện mong muốn và cam kết của ngân hàng trong việc đóng góp vào sự Thịnh vượng của khách hàng, cộng đồng và xã hội. Ngân hàng không chỉ tập trung vào việc tạo lợi nhuận mà còn quan tâm đến việc tạo ra giá trị lớn hơn cho cộng đồng.



Phần

**PHÁT TRIỂN**

Phần "Phát triển" nhấn mạnh vào mục tiêu của ngân hàng là không ngừng phát triển, đổi mới và mở rộng. Điều này không chỉ áp dụng với việc phát triển sản phẩm và dịch vụ ngân hàng mà còn trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công nghệ và cải tiến quy trình nội bộ, hướng tới việc hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương và quốc gia, đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng.



Cùng với việc đổi tên, PGBank đã thay đổi nhận diện thương hiệu. Trung tâm của logo được thay bằng một chữ S cách điệu - chữ cái bắt đầu của từ (Thành công), thể hiện rõ khát vọng mang đến thành công, thịnh vượng cho các đối tác, khách hàng.

Sâu xa hơn, logo mới này còn tượng trưng cho dải đất hình chữ S của Việt Nam, thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc. Đó cũng như lời khẳng định sự thành công mà - PGBank hướng tới không chỉ gói gọn cho bản thân ngân hàng, các khách hàng và đối tác, mà hơn hết, còn là khát vọng xây dựng một Việt Nam giàu mạnh.

## CÁC HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ KHÁC

Chương trình TRUNG THU CHO EM 2023



Hội thao TRUYỀN THỐNG PGBANK 2023



Hội nghị sơ kết và triển khai KẾ HOẠCH KINH DOANH 2023



## Chuỗi sự kiện CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP NGÂN HÀNG



### Các chương trình nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, cụ thể:



# HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023 là một năm khó khăn chung của nền kinh tế trong bối cảnh chịu tác động của các cú sốc tiêu cực, như xung đột giữa Nga - Ukraine và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiểm chế lạm phát; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản... Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 chỉ đạt 5,05%, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước.

Ngành ngân hàng nói riêng cũng đã trải qua năm 2023 nhiều thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát cao, ngân hàng trung ương nhiều nước tiếp tục neo giữ lãi suất điều hành ở mức cao... Trong nước, các động lực tăng trưởng xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng đều gặp thách thức do cầu thế giới thấp; doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do đơn hàng, thị trường sụt giảm...



Bối cảnh khó khăn chung của toàn nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của PGBank, khiến lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 351 tỷ đồng, giảm 31% so với kết quả năm trước và chỉ hoàn thành 66% kế hoạch. Tuy nhiên, điểm sáng là Ngân hàng đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu tăng trưởng quy mô, bao gồm Tổng tài sản hoàn thành 105%, đạt mức 55.491 tỷ đồng; Dự nợ tín dụng hoàn thành gần 100% kế hoạch, đạt 35.858 tỷ đồng; Tiền gửi khách hàng hoàn thành gần 100% kế hoạch, đạt 35.730 tỷ đồng tại cuối 2023.

Kết quả kinh doanh đối với một số chỉ tiêu chính trong năm 2023 như sau:

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng so với 2022	Kế hoạch 2023	% TH/KH
<b>Chỉ tiêu quy mô</b>					
Tổng tài sản	48.991	55.491	13%	53.051	105%
Dư nợ tín dụng <sup>1</sup>	32.275	35.858	11%	35.881	100%
Tiền gửi của khách hàng	31.260	35.730	14%	35.881	100%
<b>Chỉ tiêu lợi nhuận</b>					
Tổng thu thuần	1.511	1.393	-8%	1.786	78%
Chi phí hoạt động	746	808	8%	951	85%
Lợi nhuận trước thuế	506	351	-31%	530	66%

<sup>1</sup> Dư nợ tín dụng bao gồm Cho vay khách hàng, mua nợ và đầu tư Trái phiếu Tổ chức kinh tế.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
01	Tổng giá trị tài sản	48.991	55.491
02	Doanh thu	3.107	3.615
03	Thuế và các khoản phải nộp (số đã nộp trong kỳ)	129	115
04	Lợi nhuận trước thuế	506	351
05	Lợi nhuận sau thuế	404	280

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
<b>01</b>	<b>Quy mô vốn</b>		
-	Vốn chủ sở hữu	4.585	4.864
	Trong đó: Vốn điều lệ	3.000	3.000
-	Tổng tài sản có	48.991	55.491
-	Tỷ lệ an toàn vốn	11,46%	11,99%
<b>02</b>	<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
-	Doanh số huy động tiền gửi khách hàng	31.260	35.730
-	Doanh số cho vay khách hàng	29.051	35.335
-	Nợ quá hạn (nợ nhóm 2-5) (*)	1.455	2.057
-	Nợ xấu (*)	970	1.233
-	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng nợ (*)	3,67%	4,35%
-	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng nợ (*)	2,45%	2,61%
<b>03</b>	<b>Khả năng thanh khoản</b>		
-	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	17,32%	21,68%
-	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày tiếp theo		
	VND	144,76%	73,91%
	USD và ngoại tệ khác quy đổi USD	46,63%	40,53%

(\*) Nợ nhóm 2-5, nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ quá hạn so với tổng nợ theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN.



# Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## Cổ phần (31/12/2023)

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
300.000.000	Phổ thông	300.000.000	0

## Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
01	Cổ đông trong nước	9.153	299.708.400	2.997.084.000.000	99,90
-	Cổ đông tổ chức	40	121.286.497	1.212.864.970.000	40,43
-	Cổ đông cá nhân	9.113	178.421.903	1.784.219.030.000	59,47
02	Cổ đông nước ngoài	2	291.600	2.916.000.000	0,10
-	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
-	Cổ đông cá nhân	2	291.600	2.916.000.000	0,10
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.155</b>	<b>300.000.000</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

## Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên) (31/12/2023)

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
01	Công ty CP Quốc tế Cường Phát	40.629.354	13,54
02	Công ty CP Thương Mại Vũ Anh Đức	40.079.228	13,36
03	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Phát triển thương mại Gia Linh	39.296.018	13,10

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	Có
Giao dịch cổ phiếu quỹ	Không
Các chứng khoán khác	Không

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư quy định rõ nguyên tắc quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, theo đó, TCTD thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng.

Để bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển, từng ngành và từng địa phương đã được yêu cầu xây dựng các quy hoạch phát triển đến 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó các quy hoạch phát triển năng lượng và khoáng sản được lập chi tiết đến tên từng dự án, PGBank luôn luôn ý thức, đề cao tầm quan trọng của vấn đề và luôn tuân thủ pháp luật như:

Nghiêm túc thực hiện chỉ thị NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội.

Thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đối với các dự án đầu tư để xác định rủi ro tín dụng, xác định các điều kiện cấp tín dụng của khoản cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng đối với khoản cấp tín dụng của khách hàng.

Tổ chức thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường của dự án đầu tư hoặc sử dụng kết quả đánh giá rủi ro về môi trường của dự án đầu tư từ các tổ chức có chức năng cung ứng dịch vụ đánh giá rủi ro về môi trường hoặc từ các TCTD khác theo thỏa thuận tại hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Khi đánh giá dự án đầu tư có rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, PGBank sẽ thỏa thuận với khách hàng bổ sung tại thỏa thuận cấp tín dụng các biện pháp khách hàng cam kết thực hiện nhằm hạn chế rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Khách hàng có trách nhiệm cung cấp các thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo yêu cầu của TCTD và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp.

Triển khai tích cực công tác thông tin, truyền thông về quản lý rủi ro môi trường và xã hội đến với tất cả cán bộ nhân viên thông qua các khóa đào tạo, tuyên truyền.

# Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số nhân sự tại  
31/12/2023

**1909**  
NHÂN VIÊN

TĂNG 12,3% so với năm 2022

Trong đó, số lượng tuyển dụng mới là 622 nhân sự, tăng 1066% so với kế hoạch giao ban đầu. Thu nhập bình quân tại PGBank trong năm 2023 là 21.596.906 VNĐ/người/tháng, tăng 2,61% so với năm 2022.



## Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Cán bộ nhân viên luôn được PGBank chăm lo đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động thông qua việc tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ theo đúng quy định pháp luật và tham gia gói bảo hiểm sức khỏe của Tổng công ty bảo hiểm PJICO để gia tăng quyền lợi bảo hiểm cho cán bộ nhân viên so với quy định thông thường.

Vào các ngày lễ, tết, sinh nhật, cưới hỏi hay các ngày kỷ niệm lớn trong năm (ngày 08/03, ngày 20/10, ngày 30/04, mừng 02/09, Tết Dương lịch, Tết âm lịch...), PGBank thường có các món quà nhỏ bằng tiền hoặc hiện vật để tri ân và tôn vinh đồng viên cán bộ nhân viên. Ngoài ra, vào các ngày Tết thiếu nhi, Tết Trung thu, Noel... PGBank đều tổ chức chương trình văn nghệ và tặng quà cho con em cán bộ nhân viên, tổ chức chương trình tôn vinh và có các phần thưởng cho các con đạt thành tích xuất sắc trong học tập để đồng viên tinh thần đối với con em cán bộ nhân viên.



Ngày Thương binh liệt sỹ 27/07 hàng năm, PGBank đều tổ chức thăm hỏi, tri ân đối với các gia đình cán bộ nhân viên có công với cách mạng.



## Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2023, Ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. PGBank đã triển khai hơn 166 khóa đào tạo với hơn 11.400 lượt học viên tham dự (tăng 32% so với năm 2022). Các chương trình đào tạo cho đội ngũ cán bộ tín dụng, Giao dịch viên được ưu tiên để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng như: Kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng, Nghiệp vụ tín dụng bán lẻ, Phòng chống rửa tiền/Tài trợ khủng bố, Nâng cao chất lượng dịch vụ tại điểm giao dịch.... Các chương trình đào tạo cán bộ nguồn được chú trọng, đặc biệt là các cán bộ quản lý Phòng giao dịch, kiểm soát viên, đảm bảo cung cấp nguồn lực thay thế khi cần thiết. Bên cạnh đó, PGBank chú trọng các chương trình đào tạo về Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số. Hình thức đào tạo đa dạng và phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Công tác đào tạo nội bộ được đầu tư và chú trọng bằng việc ban hành các quy định, hướng dẫn triển khai đào tạo nội bộ tại từng đơn vị trong Ngân hàng, kèm theo đó là chế độ thi đua, khen thưởng nhằm khuyến khích phát triển hoạt động đào tạo tại đơn vị.

Cũng trong năm 2023, PGBank cũng tổ chức đánh giá kiến thức sau thử việc và đánh giá kiểm tra kiến thức định kỳ đối với các cán bộ thuộc bộ phận giao dịch, tác nghiệp tín dụng, tín dụng cá nhân và tín dụng doanh nghiệp, từ đó đánh giá được năng lực CBNV để có định hướng kết hợp cùng các đơn vị chuyên môn đào tạo nâng cao trình độ cho nhân sự Ngân hàng.

PGBank đã chứng minh cam kết với việc phát triển nguồn nhân lực bằng cách đẩy mạnh hoạt động đào tạo và phát triển. Sự đa dạng và chuyên sâu của các chương trình đào tạo đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu suất làm việc của toàn bộ tổ chức. CBNV được tham gia nhiều chương trình đào tạo với nội dung, hình thức đào tạo phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc và nhu cầu phát triển của cá nhân, qua đó nâng cao năng lực CBNV nói riêng và chất lượng nguồn nhân lực của PGBank nói chung.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc



# Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

## Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu tăng, an toàn vốn hiệu quả

Tổng tài sản đến 31/12/2023 đạt 55.491 tỷ đồng tăng 13,3% so với cuối năm 2022, hoàn thành 104,6% kế hoạch.

Vốn chủ sở hữu đạt 4.864 tỷ đồng, tăng 6,1% so với cuối năm 2022. Hệ số an toàn vốn (CAR) thường xuyên duy trì ở mức cao (trên 11,5%) trong cả năm 2023. Tại 31/12/2023, hệ số CAR của PGBank ở mức 11,99%.

## Huy động vốn tăng trưởng tốt, cơ cấu tiền gửi an toàn

Đến 31/12/2023, tổng vốn huy động đạt 49.798 tỷ đồng, tăng 16,6% so với cuối năm 2022, hoàn thành 105% kế hoạch. Trong đó, Huy động tiền gửi khách hàng đạt 35.730 tỷ đồng, tăng 14,3% so với cuối năm trước, chiếm gần 72% tổng vốn huy động.

Trong cơ cấu huy động tiền gửi khách hàng, huy động từ tổ chức kinh tế đạt 9.401 tỷ đồng, tăng 19,6% so với cuối năm trước, huy động từ dân cư và MSME đạt 26.328 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cuối năm trước. Phân loại theo loại tiền, huy động VND đạt 35.500 tỷ đồng, chiếm 99,4% tổng tiền gửi khách hàng. Huy động USD vẫn gặp nhiều khó khăn do NHNN vẫn duy trì áp dụng chính sách trần lãi suất USD, trong khi tỷ giá vẫn tương đối ổn định, khiến số dư huy động USD tại cuối 2023 chỉ đạt 230 tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng Tiền gửi khách hàng.

## Tăng trưởng tín dụng

Đến 31/12/2023, tổng dư nợ tín dụng (bao gồm Cho vay, Mua nợ, Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) toàn ngân hàng đạt 35.858 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cuối năm trước, hoàn thành gần 100% kế hoạch. Trong đó, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 35.335 tỷ đồng, tăng 21,6% so với cuối năm 2022. Cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 20.534 tỷ đồng, tăng 27,3%, chiếm 58% tổng dư nợ cho vay trong khi cho vay bán lẻ đạt 14.801 tỷ đồng, tăng 14,5%, chiếm 42% tổng dư nợ cho vay.

Theo loại tiền, cho vay VND đạt 34.691 tỷ đồng, tăng 24,8% so với cuối 2022, chiếm 98% tổng dư nợ cho vay trong khi cho vay USD đạt 644 tỷ đồng, giảm 48,3% so với cuối năm 2022, chiếm 2% tổng dư nợ cho vay.

## Kiểm soát chất lượng tín dụng; Công tác xử lý nợ được thực hiện tích cực, vượt kế hoạch đặt ra

Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN tại cuối 2023 là 2,61%, tăng nhẹ so với mức 2,45% so với cuối năm trước, trước bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế nhưng vẫn đảm bảo thấp hơn mức 3% theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước.

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2023 được thực hiện khá tích cực thông qua nhiều biện pháp như sử dụng nguồn dự phòng rủi ro, bán nợ cho VAMC, các biện pháp xử lý tài sản, thu hồi nợ, v.v. Tổng thu xử lý nợ năm 2023 đạt 962 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch.

## Hoạt động dịch vụ

Hoạt động thanh toán duy trì ổn định. Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch Ngân hàng điện tử tăng mạnh so với năm trước. Cụ thể, dịch vụ tiền đi, tiền về 24/7 tăng gấp 2,5 lần; dịch vụ nạp tiền điện thoại tăng 130%; dịch vụ thanh toán hóa đơn qua Napas và VNPAY tăng 180%; cung cấp mới dịch vụ thanh toán VNPAY QRCode.

Giao dịch chuyển tiền đi nước ngoài với số lượng 1.648 giao dịch với giá trị đạt 155 triệu USD. Giao dịch chuyển tiền về từ nước ngoài với số lượng 2.649 giao dịch với giá trị đạt 226 triệu USD. Tổng phí thu được từ nghiệp vụ chuyển tiền quốc tế năm 2023 đạt 2,8 tỷ VND.

Về dịch vụ phục vụ nhập khẩu, năm 2023 PGBank đã phát hành L/C nhập khẩu với tổng trị giá đạt 174 triệu USD, thanh toán chứng từ theo L/C nhập khẩu đạt 175 triệu USD. Giá trị thanh toán nhờ thu nhập khẩu do các ngân hàng nước ngoài gửi nhờ PGBank thu hộ đạt 4,4 triệu USD. Phát hành bảo lãnh quốc tế với trị giá 1,7 triệu USD.

Về dịch vụ phục vụ xuất khẩu, tổng giá trị thanh toán xuất khẩu đạt 30,4 triệu USD, phí thu được từ hoạt động tài trợ thương mại đạt hơn 10 tỷ VND.

## Lợi nhuận và Khả năng sinh lời

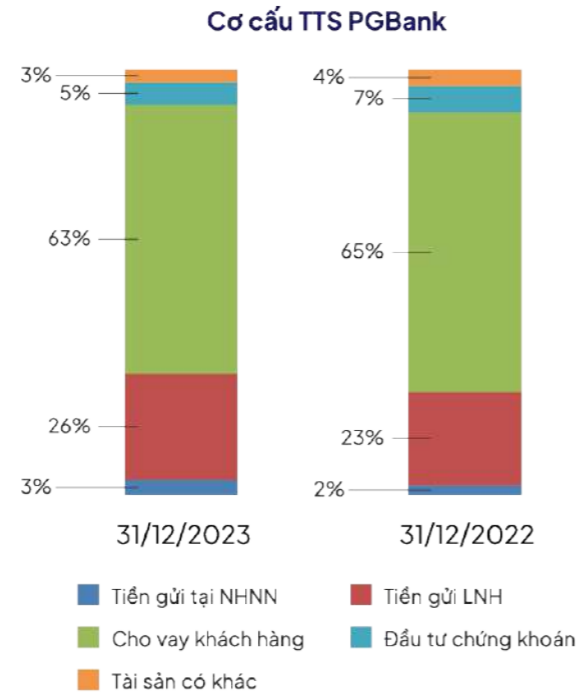
Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 351 tỷ đồng, giảm 30,6% so với kết quả năm trước và chỉ hoàn thành 66% kế hoạch được giao. Nguyên nhân khiến lợi nhuận trước thuế giảm chủ yếu do thu nhập phi tín dụng giảm, trong khi nhu cầu đầu tư đổi mới, chuyển đổi số khiến chi phí hoạt động vẫn tiếp tục tăng cao.

Do lợi nhuận giảm nên tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) và Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) năm 2023 đều thấp hơn so với kết quả đạt được trong năm trước, lần lượt ở mức 0,7% và 7,4%.

# Tình hình tài chính

## Tình hình tài sản

Tổng tài sản đến 31/12/2023 đạt 55.491 tỷ đồng, tăng 6.500 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 13,3% so với cuối năm 2022. Cơ cấu tổng tài sản không có biến động mạnh so với cuối năm trước, với khoản mục lớn nhất là Cho vay khách hàng, tiếp đến là Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, Đầu tư chứng khoán. Các tài sản khác chiếm tỷ trọng nhỏ.



Tổng dư nợ cho vay khách hàng (bao gồm mua nợ) tại 31/12/2023 đạt 35.358 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cuối năm 2022, chiếm 64% tổng tài sản. Trong năm 2023, PGBank tập trung đẩy mạnh cho vay trung và dài hạn. Đến 31/12/2023, tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 16.209 tỷ đồng, tăng 22,3% so với cuối năm trước, chiếm 46% tổng dư nợ cho vay. Theo ngành nghề kinh doanh, PGBank tập trung đẩy mạnh dư nợ cho vay ngành bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Tại 31/12/2023, dư nợ cho vay ngành này đạt 3.905 tỷ đồng, tăng 2.204 tỷ đồng so với cuối 2022, chiếm 11% tổng dư nợ cho vay.

Thời điểm 31/12/2023, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác của PGBank đạt 14.270 tỷ đồng, tăng 29% so với cuối năm 2022, chiếm 26% Tổng tài sản. Hoạt động gửi tiền tại tổ chức tín dụng khác thận trọng, đảm bảo an toàn. Tất cả các khoản tiền gửi đều là nợ đủ tiêu chuẩn, không phát sinh nợ quá hạn trong hoạt động gửi tiền tại các tổ chức tín dụng khác.

Danh mục đầu tư chứng khoán tại cuối 2023 đạt 3.175 tỷ đồng, giảm 9% so với cuối năm 2022. Hoạt động đầu tư của PGBank an toàn, chủ yếu nắm giữ Trái phiếu chính phủ, không phát sinh các khoản đầu tư trái phiếu bị quá hạn.



# Tình hình nguồn vốn

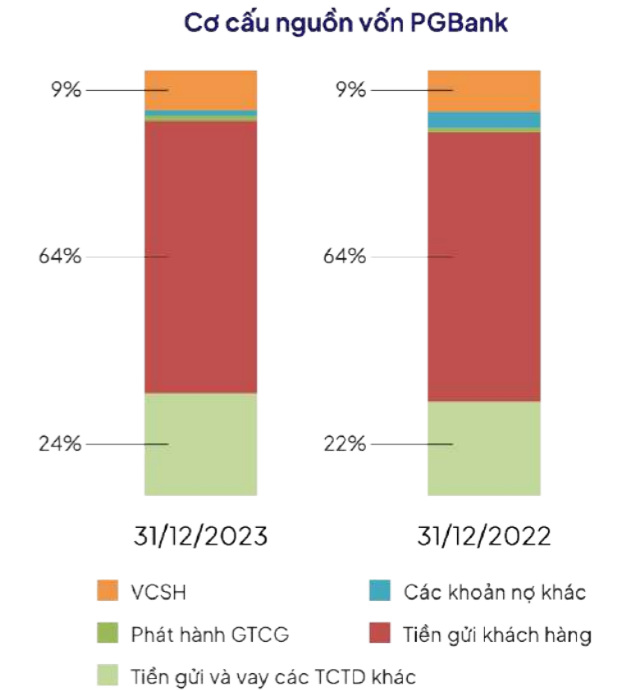
Cơ cấu nguồn vốn ổn định với trên 60% đến từ Tiền gửi khách hàng, trên 20% đến từ Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, gần 10% từ vốn chủ sở hữu, các khoản mục khác không đáng kể.

Tại 31/12/2023, tiền gửi của khách hàng đạt 35.730 tỷ đồng, chiếm 64% tổng nguồn vốn, tăng 14% so với cuối năm 2022, tập trung chủ yếu tăng tiền gửi từ dân cư. Huy động từ dân cư đạt 26.181 tỷ đồng, chiếm 73% tổng tiền gửi khách hàng. Tiền gửi không kỳ hạn đạt 5.913 tỷ đồng, tăng 8,6% so với cuối năm 2022, theo đó tỷ lệ CASA duy trì ở mức gần 17%, góp phần giảm chi phí huy động vốn.

Phát hành Giấy tờ có giá không thay đổi so với cuối năm trước, đạt mức 500 tỷ đồng.

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác tại 31/12/2023 đạt 13.568 tỷ đồng, tăng 24% so với 31/12/2022, chiếm 24% tổng nguồn vốn.

Vốn chủ sở hữu thời điểm cuối năm 2023 đạt 4.864 tỷ đồng, tăng 6% so với cuối năm 2022, chiếm 9% tổng nguồn vốn. Trong đó, vốn điều lệ giữ nguyên ở mức 3.000 tỷ đồng.



# Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

## Về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2023, PGBank thành lập thêm hai trung tâm mới là Trung tâm Phân tích và Dữ liệu - là đơn vị độc lập có chức năng xây dựng và triển khai toàn bộ nền tảng phân tích và dữ liệu của Ngân hàng - và Trung tâm Quản lý dự án - đơn vị độc lập giữ vai trò quản lý dự án tập trung.

## Về chính sách

Trong năm 2023 PGBank cũng liên tục hoàn thiện và bổ sung các quy trình, chính sách nghiệp vụ phù hợp với hoạt động hiện tại và đáp ứng các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### KINH DOANH

#### Phân khúc Khách hàng

PGBank là ngân hàng bán lẻ tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

#### Phương thức để cạnh tranh và thu hút khách hàng

- Chia nhỏ mỗi phân khúc theo đặc thù để đưa ra các sản phẩm và dịch vụ may đo sát với nhu cầu của khách hàng hơn
- Tiếp cận mô hình Ngân hàng Quan hệ (Relationship Banking) tới từng phân khúc.

### ĐỊNH VỊ CẠNH TRANH

Xây dựng môi trường làm việc, văn hóa, đãi ngộ, con người đáp ứng các tiêu chí:

#### Nhân viên hạnh phúc KHÁCH HÀNG HÀI LÒNG



### CHUYỂN ĐỔI

#### Về công nghệ thông tin

- Hệ thống công nghệ thông tin cơ bản
- 11 đầu mục dự án go-live trong năm.

#### Về mạng lưới

##### Mở rộng mạng lưới mới:

- Thêm 5 chi nhánh và 4 phòng giao dịch mới.
- Chuyển đổi địa điểm hoặc nâng cấp 65 - 70% các chi nhánh và phòng giao dịch của mạng lưới cũ.

#### Về chất lượng dịch vụ

- Nâng cao chất lượng dịch vụ trên toàn mạng lưới.
- Tiêu chí đo lường chất lượng dịch vụ.

#### Về sản phẩm

##### Xây dựng sản phẩm chuyên biệt:

- 3-5 sản phẩm chuyên biệt với phân khúc khách hàng cụ thể.
- Nhúng công nghệ cho các sản phẩm.

#### Về hình ảnh, thương hiệu

- Phát triển thương hiệu với tên gọi mới.
- Nâng cao nhận diện thương hiệu.

#### Về xử lý nợ xấu

- Tập trung xử lý nợ xấu.

#### Về tổ chức con người

- Xây dựng đội ngũ nhân viên đạo đức, nỗ lực, năng lực đáp ứng với cơ cấu tổ chức mới.
- Cùng với tiêu chí luôn cùng bạn thành công & tốt hơn mỗi ngày.

### Nhân viên hạnh phúc

- Môi trường làm việc**
  - Tổ chức học tập và phát triển.
  - Môi trường và cơ sở vật chất làm việc chuyên nghiệp
  - Tự hào là PGBanker, gắn bó lâu dài
- Văn hóa**
  - Dân chủ, công bằng, minh bạch
  - Đề cao tính chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân
  - Tốt hơn mỗi ngày, tinh thần cải tiến liên tục
- Đãi ngộ**
  - Tương xứng với thị trường
  - Gắn liền với sự phát triển của ngân hàng
  - Cơ hội phát triển cho CBNV
- Tiêu chí con người của PGBank**
  - Đạo đức
  - Nỗ lực
  - Năng lực

### Khách hàng hài lòng

- Theo sát nhóm Khách hàng**
  - Chia phân khúc khách hàng theo từng nhóm nhỏ hơn, đặc thù hơn.
  - Theo sát và hiểu khách hàng để những sản phẩm dịch vụ sát với nhu cầu khách hàng.
- Sản phẩm may đo**
  - Xây dựng sản phẩm dịch vụ phục vụ đúng nhu cầu khách hàng.
  - Đơn giản hóa các thủ tục hồ sơ để nâng cao chất lượng dịch vụ.
  - Liên tục cải tiến để sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu thay đổi của khách hàng.
- Công nghệ hiện đại, thuận tiện, đơn giản**
  - Mở rộng kênh kết nối với khách hàng bên cạnh hệ thống điểm giao dịch
- Thế mạnh người đi sau**
  - Chủ động hơn, linh hoạt hơn, nhanh hơn đưa ra sản phẩm và cho phép liên tục cải tiến
  - Ứng dụng khai thác dữ liệu từ đó hiểu nhu cầu và cung cấp được sản phẩm may đo.

### NĂNG LỰC CỐT LÕI ĐỂ PGBANK ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU 2024-2025

#### Về sản phẩm

- Năng lực cốt lõi để thiết kế sản phẩm và dịch vụ có tính cá nhân hoá cao với mục tiêu #1 Thời gian ra thị trường ngắn nhất.
- Liên tục cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ sát với nhu cầu của khách hàng.

#### Về công nghệ

- Ứng dụng công nghệ với mục tiêu thuận tiện đơn giản khi tiếp cận và sử dụng sản phẩm, tạo trải nghiệm khách hàng đồng nhất.
- Ứng dụng công nghệ để khai thác cơ sở dữ liệu khách hàng phục vụ thiết kế sản phẩm cá nhân hoá cao.

#### Về con người

- Lãnh đạo cao cấp kiên định bước đi chiến lược và sự khác biệt, nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh lớn hoặc dự đoán khó khăn để điều chỉnh định hướng chung.
- Lãnh đạo điều hành đủ năng lực thực hiện các nhóm công việc khác nhau xây nền tảng hoạt động.

## Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2023 của PGBank và không có ý kiến xung đột với Ban Tổng Giám đốc PGBank.

# IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ngân hàng



# Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn của toàn ngành ngân hàng nói chung và của PGBank nói riêng. Trong bối cảnh khó khăn đó, với sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT, toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên PGBank đã cùng nhau nỗ lực quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao và đạt được một số kết quả nhất định. Cụ thể, hoàn thành vượt kế hoạch tăng trưởng quy mô tổng huy động và tổng tài sản, hoàn thành xấp xỉ 100% kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về thu nhập và lợi nhuận chưa hoàn thành kế hoạch.

Cụ thể kết quả kinh doanh năm 2023 của Ngân hàng như sau:

ĐVT: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh TH/KH 2023
01	Tổng tài sản	53.051	55.491	105%
02	Tổng dư nợ tín dụng	35.881	35.858	100%
03	Tổng huy động	47.213	49.798	105%
04	Tổng thu nhập	1.786	1.393	78%
05	Chi phí hoạt động & dự phòng	1.255	1.042	83%
06	Lợi nhuận trước thuế	530	351	66%
07	Vốn điều lệ	3.000	3.000	100%

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc, HĐQT có những đánh giá như sau:

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện cung cấp thông tin, báo cáo và giải trình đầy đủ, chính xác và đúng hạn về hoạt động của Ngân hàng tại các cuộc họp HĐQT và theo từng vấn đề cụ thể khi có yêu cầu của HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành, quản lý Ngân hàng và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh và hoạt động đề ra.
- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên chủ động đề xuất các chiến lược và giải pháp mới, sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như an toàn hoạt động của Ngân hàng.
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ cá nhân được giao, thể hiện sự đồng thuận và phối hợp tốt trong thực thi công việc.

Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng định hướng phát triển của Ngân hàng và triển khai hiệu quả các chỉ đạo, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ của PGBank trong quá trình hoạt động.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam đối mặt nhiều khó khăn, thách thức, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trong mọi mặt hoạt động của Ngân hàng, giúp Ngân hàng đạt được những kết quả kinh doanh vượt bậc trong năm 2023. Từ những kết quả trong hoạt động của Ngân hàng đạt được trong năm 2023, HĐQT đánh giá cao và ghi nhận sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành.

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### Kế hoạch kinh doanh 2024 dự kiến trình ĐHCĐTN 2024

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh doanh năm 2024 và đánh giá các nguồn lực của Ngân hàng, HĐQT dự kiến sẽ trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

ĐVT: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tăng/giảm (+/-)	Tăng/giảm (%)
Tổng tài sản	55.491	63.503	8.012	14,4%
Tổng dư nợ tín dụng (*)	35.858	40.476	4.618	12,9%
Tổng huy động	49.798	56.530	6.732	13,5%
Tổng thu nhập	1.393	2.086	692	49,7%
Chi phí hoạt động và dự phòng	1.042	1.532	490	47,0%
Lợi nhuận trước thuế	351	554	203	57,7%
Vốn điều lệ	3.000	5.000	2.000	66,7%

(\*) Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng sẽ có điều chỉnh nếu có sự điều chỉnh từ NHNN



# V. Quản trị ngân hàng

- O - OBJECTIVES
- N - NETWORK
- L - LEADERSHIP
- I - INTEGRATION
- M - MILESTONES
- E - EXECUTION
  
- B - BUDGETING
- R - RISK METHODOLOGY
- N - NEGOTIATION
- K - KEY PERFORMANCE INDICATORS
- I - ISSUE TRACKING
- M - DOCUMENTATION
- G - GOVERNANCE



# Hội đồng quản trị

## Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị

HĐQT PGBank có Ủy ban nhân sự, Ủy ban quản lý rủi ro, Hội đồng/Ủy ban khác trực thuộc HĐQT và Văn phòng HĐQT thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT theo quy định của pháp luật và của PGBank ban hành trong từng thời kỳ, trong đó:

### Ủy ban nhân sự

Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, BKS, Người điều hành và cán bộ quản lý của PGBank thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT theo quy định. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của PGBank thuộc thẩm quyền HĐQT về chế độ chính sách tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế nhân sự, đào tạo và các nội dung nhân sự khác.

### Ủy ban quản lý rủi ro

Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng. Phân tích đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

### Văn phòng Hội đồng Quản trị

Tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng lãnh đạo, quản trị các mặt hoạt động của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ PGBank.

## Thành viên Ủy ban nhân sự

STT	Thành viên	Chức vụ tại PGBank	Chức vụ trong Ủy ban Nhân sự
01	Bà Đinh Thị Huyền Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc[1]	Trưởng ban
02	Ông Phạm Mạnh Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên
03	Ông Đào Phong Trúc Đại	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên
04	Bà Phí Hồng An	Phó Giám đốc Khối Quản trị và phát triển nguồn nhân lực	Thư ký

## Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro

STT	Thành viên	Chức vụ tại PGBank	Chức vụ trong Ủy ban Nhân sự
01	Ông Vương Phúc Chính	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng bán lẻ	Trưởng ban
02	Ông Đào Phong Trúc Đại	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Thành viên
03	Ông Nguyễn Thành Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	Thành viên
04	Ông Phùng Kỳ Vinh	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên
05	Ông Trần Quốc Hùng	Giám đốc Phòng Quản lý rủi ro tích hợp	Thư ký

## Hoạt động của HĐQT

Năm 2023 HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp HĐQT, thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và ban hành 170 Nghị quyết, trong đó tập trung chủ yếu các vấn đề chính như sau:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT; Kiện toàn nhân sự của các Hội đồng, Ủy ban tham mưu, giúp việc cho HĐQT; Thông qua các chế độ phúc lợi, chính sách nhân sự, cơ chế thi đua khen thưởng, đánh giá xếp loại cá nhân/tập thể thuộc thẩm quyền HĐQT;
- Ban hành mới/sửa đổi, bổ sung một số quy chế để hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ của PGBank như: Quy chế cho vay; Quy chế phê duyệt tín dụng; Quy chế An toàn thông tin; Quy chế phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của PG Bank; Quy chế về hoạt động mua, bán nợ; Quy chế Bảo lãnh ngân hàng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ máy điều hành...
- Thành lập/chuyển địa điểm đặt trụ sở một số Chi nhánh, Phòng giao dịch;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 nhằm giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và kiện toàn bộ máy nhân sự cấp cao thuộc HĐQT, BKS, TGD;
- Thông qua phương án xử lý và thu hồi một số khoản nợ của Khách hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Thông qua các khoản cấp tín dụng của các đối tượng khách hàng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và quy định của PGBank.

Tổ chức sự kiện “Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập và ra mắt nhận diện thương hiệu mới của PGBank”. HĐQT PGBank thực hiện đầy đủ các nguyên tắc quản trị cơ bản bao gồm:

- Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;
- Đảm bảo cơ cấu quản trị và mô hình hoạt động hiệu quả.
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cổ đông và người có liên quan;
- Minh bạch trong hoạt động của PGBank.

## Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Ông Nguyễn Thành Lâm - Thành viên độc lập của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, độc lập khi tham gia vào việc đưa ra các quyết định. Trong năm 2023, ông Nguyễn Thành Lâm được phân công phụ trách các hoạt động gồm:

- Giám sát, quản trị và hỗ trợ các lĩnh vực hoạt động của PGBank liên quan đến kiểm toán (nội bộ và độc lập).
- Tham gia vào Ủy ban Quản lý rủi ro với vai trò là Thành viên của Ủy ban.
- Thực hiện các quyền, nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT, Điều lệ Ngân hàng, quy định pháp luật.

Ngoài ra, Ông Nguyễn Thành Lâm còn tham gia vào Ủy ban Quản lý rủi ro với vai trò là Thành viên của Ủy ban.

## Ban Kiểm soát

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

- Giám sát HĐQT trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 theo lộ trình.
- Giám sát kết quả thực hiện giám sát quản lý cấp cao của HĐQT với Tổng Giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; việc xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Giám sát ĐHĐCĐ trong việc tổ chức thực hiện các kiến nghị của Thanh tra NHNN, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ và các Cơ quan kiểm tra bên ngoài khác của Nhà nước liên quan đến hoạt động và trách nhiệm của HĐQT.
- BKS tham gia vào các cuộc họp trực tiếp của HĐQT, nhận đầy đủ các tài liệu, hồ sơ trình HĐQT khi họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để nắm bắt và có ý kiến đối với các nội dung trình theo thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.
- Các kết quả của hoạt động kiểm toán nội bộ và các khuyến nghị của BKS được gửi tới HĐQT để HĐQT nắm bắt các vấn đề phát hiện và có chỉ đạo thực hiện với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

### Hoạt động giám sát của BKS đối với Tổng Giám đốc

- Giám sát kết quả thực hiện giám sát quản lý cấp cao của Tổng Giám đốc và các Khối/Phòng hệ thống/Đơn vị kinh doanh thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các kiến nghị của Thanh tra NHNN, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ và các Cơ quan kiểm tra bên ngoài khác của Nhà nước liên quan đến hoạt động và trách nhiệm của Tổng Giám đốc.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ để giám sát việc tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành, quản lý rủi ro đối với các Đơn vị/cá nhân do Tổng Giám đốc quản lý; Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Ngân hàng.
- Tham gia và có ý kiến (nếu cần) tại các phiên họp Ban Điều hành định kỳ hàng tháng.
- Các kết quả của hoạt động kiểm toán nội bộ và các khuyến nghị của BKS được gửi tới Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc nắm bắt các vấn đề phát hiện và có chỉ đạo thực hiện với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.
- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 20 cuộc họp để thảo luận, xem xét thông qua các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các phiên họp của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát triệu tập, có sự tham gia của các thành viên theo đúng tỷ lệ đáp ứng yêu cầu tổ chức cuộc họp. Các nội dung thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát được thông qua theo tỷ lệ biểu quyết phù hợp với quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát cũng tổ chức họp thường xuyên với Phòng Kiểm toán nội bộ để thảo luận, cho ý kiến chỉ đạo về hoạt động kiểm toán nội bộ, từ đó đánh giá kết quả thực hiện công việc của Phòng Kiểm toán nội bộ.

### Hoạt động giám sát của BKS đối với cổ đông

- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của PGBank, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này theo quy định của pháp luật.
- Ban Kiểm soát tham gia cuộc họp Đại hội cổ đông năm 2023, cùng với HĐQT rà soát các Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông.

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Năm 2023, PGBank đã chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như dưới đây:

Tiền lương, thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát sẽ được quyết toán sau khi đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Giao dịch của cổ đông nội bộ: Không**

STT	Đơn vị	Tiền lương, thù lao
01	Hội đồng Quản trị	7.624.984.044
02	Ban Kiểm soát	4.023.868.130
03	Ban Tổng Giám đốc	14.568.508.354
<b>TỔNG</b>		<b>26.217.360.528</b>

ĐVT: VND

NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Mạnh Thắng



**NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**

 Tòa nhà Mipec: 229 Tây Sơn, Đống Đa, TP.Hà Nội

 1900 555 574

 [dvkh@pgbank.com.vn](mailto:dvkh@pgbank.com.vn)

 [www.pgbank.com.vn](http://www.pgbank.com.vn)

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

*(Trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu  
Petrolimex)*

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Được lập theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng  
cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý  
có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**

Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà MIPEC

Số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 53

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**

Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà MIPEC

Số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Mạnh Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Đào Phong Trúc Đại	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Vương Phúc Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Nguyễn Thành Lâm	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Bà Đinh Thị Huyền Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Đinh Thành Nghiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch (đương nhiên mất tư cách ngày 04 tháng 5 năm 2023)
Ông Oliver Schwarzhaupt	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2023)
	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Lưu Văn Tuyển	Thành viên (đương nhiên mất tư cách ngày 04 tháng 5 năm 2023)
Ông Trần Ngọc Năm	Thành viên (đương nhiên mất tư cách ngày 04 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Nilesh Ratilal Banglorewala	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Ngọc Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Trịnh Mạnh Hoán	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Bà Hạ Hồng Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2023)
Bà Dương Ánh Tuyết	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2023)
Bà Trần Văn Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023)

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Bà Đinh Thị Huyền Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2023)
	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Quản trị và Phát triển Nguồn nhân lực (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Phạm Mạnh Thắng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2023, miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2023)
Ông Trần Văn Luân	Phó Tổng Giám đốc thường trực (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2024)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (Tiếp theo)**

Ông Đinh Thành Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Tô	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Trọng Chiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Phi Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2023)
Ông Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2023)
Ông Đỗ Thành Công	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2023)
Ông Hoàng Xuân Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Văn Luận  
Phó Tổng Giám đốc thường trực  
(Theo Quyết định Ủy quyền số 90/2024/QĐ-CTHĐQT  
ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch HĐQT)  
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024



Số: 017/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (gọi tắt là "Ngân hàng"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	229.343	332.463
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	6	1.601.718	855.283
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	14.270.357	11.040.842
1.	Tiền gửi tại TCTD khác		14.270.357	11.040.842
IV.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	1.161	13.646
V.	Cho vay khách hàng		34.983.261	28.767.971
1.	Cho vay khách hàng	9	35.335.012	29.050.846
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(351.751)	(282.875)
VI.	Hoạt động mua nợ	11	22.748	3.199.649
1.	Mua nợ		22.920	3.223.828
2.	Dự phòng rủi ro mua nợ		(172)	(24.179)
VII.	Chứng khoán đầu tư	12	2.932.810	3.266.307
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		2.225.648	2.538.724
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		949.273	951.905
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(242.111)	(224.322)
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	488	488
5.	Góp vốn, đầu tư dài hạn khác		529	488
6.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(41)	-
IX.	Tài sản cố định	14	277.365	288.988
1.	Tài sản cố định hữu hình	14.1	223.498	237.687
a.	Nguyên giá tài sản cố định		478.524	479.605
b.	Hao mòn tài sản cố định		(255.026)	(241.918)
2.	Tài sản cố định vô hình	14.2	53.867	51.301
a.	Nguyên giá tài sản cố định		121.902	114.830
b.	Hao mòn tài sản cố định		(68.035)	(63.529)
X.	Tài sản Có khác	15	1.171.867	1.225.500
1.	Các khoản phải thu		528.992	578.032
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		569.031	567.008
3.	Tài sản Có khác		112.325	118.129
4.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(38.481)	(37.669)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>55.491.118</b>	<b>48.991.137</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	13.568.062	10.940.616
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		13.568.062	9.152.682
2.	Vay các TCTD khác		-	1.787.934
II.	Tiền gửi của khách hàng	17	35.729.811	31.259.873
III.	Phát hành giấy tờ có giá	18	500.000	500.000
IV.	Các khoản nợ khác		829.421	1.706.120
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		706.228	576.141
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	123.193	1.129.979
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>50.627.294</b>	<b>44.406.609</b>
V.	Vốn và các quỹ			
1.	Vốn của Ngân hàng	21	3.000.000	3.000.000
	Vốn điều lệ		3.000.000	3.000.000
2.	Quỹ của Ngân hàng	21	378.272	317.719
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	21	1.485.552	1.266.809
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.863.824</b>	<b>4.584.528</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>55.491.118</b>	<b>48.991.137</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

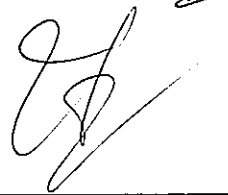
STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>		<b>5.964.526</b>	<b>2.027.709</b>
1.	Bảo lãnh vay vốn	34	12.976	15.039
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	34	572.772	1.023.990
a.	Cam kết mua ngoại tệ		14.562	-
b.	Cam kết bán ngoại tệ		36.405	35.310
c.	Cam kết giao dịch hoán đổi		521.805	988.680
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	34	480.507	704.823
4.	Bảo lãnh khác	34	4.103.025	2.467.754
5.	Các cam kết khác	34	795.247	293.471
6.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	35	652.104	678.835
7.	Nợ khó đòi đã xử lý	36	2.843.727	2.738.076
8.	Tài sản và chứng từ khác	37	2.358.508	1.673.203

Người lập



Hoàng Tố Tâm  
Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng



Phó Tổng Giám đốc thường trực  
(Theo Quyết định Ủy quyền số  
90/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 13  
tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch  
HĐQT)

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	3.455.868	2.748.340
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(2.154.514)	(1.538.115)
<b>I.</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>1.301.354</b>	<b>1.210.225</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		99.301	117.677
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(64.611)	(38.452)
<b>II.</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>24</b>	<b>34.690</b>	<b>79.225</b>
<b>III.</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>25</b>	<b>19.451</b>	<b>42.681</b>
<b>IV.</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>26</b>	<b>(3.454)</b>	<b>27.266</b>
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		43.472	170.683
6.	Chi phí hoạt động khác		(2.175)	(18.643)
<b>V.</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>27</b>	<b>41.297</b>	<b>152.040</b>
<b>VI.</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>28</b>	<b>132</b>	<b>44</b>
	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>		<b>1.393.470</b>	<b>1.511.481</b>
7.	Chi phí nhân viên		(482.687)	(458.594)
8.	Chi phí khấu hao và khấu trừ		(40.682)	(35.986)
9.	Chi phí hoạt động khác		(284.840)	(251.333)
<b>VII.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>29</b>	<b>(808.209)</b>	<b>(745.913)</b>
<b>VIII.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>585.261</b>	<b>765.568</b>
<b>IX.</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>(234.029)</b>	<b>(259.833)</b>
<b>X.</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>351.232</b>	<b>505.735</b>
10.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(71.337)	(102.048)
<b>XI.</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>		<b>(71.337)</b>	<b>(102.048)</b>
<b>XII.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>279.895</b>	<b>403.687</b>
<b>XIII.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>31</b>	<b>666</b>	<b>961</b>

Người lập

Hoàng Tố Tâm

Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt

Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Phản Văn Luân

Phó Tổng Giám đốc thường trực  
(Theo Quyết định Ủy quyền số 90/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch HĐQT)

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.453.845	2.776.721
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(2.024.428)	(1.473.282)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		34.690	79.225
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán		18.317	66.501
Thu nhập khác		9.442	31.580
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		31.856	120.460
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(769.714)	(717.913)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	30	(79.158)	(89.419)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>674.850</b>	<b>793.873</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
Thay đổi các khoản về kinh doanh chứng khoán		315.707	(268.220)
Thay đổi các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/công nợ tài chính khác		12.484	(11.530)
Thay đổi các khoản cho vay khách hàng và mua nợ		(3.083.258)	(4.773.143)
Thay đổi nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu đặc biệt		(172.880)	(53.665)
Thay đổi khác về tài sản hoạt động		31.735	(145.917)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
Thay đổi các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		2.627.447	3.835.118
Thay đổi tiền gửi của khách hàng		4.469.938	3.185.344
Thay đổi khác về công nợ hoạt động		(973.104)	984.299
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.902.919</b>	<b>3.546.159</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu VND

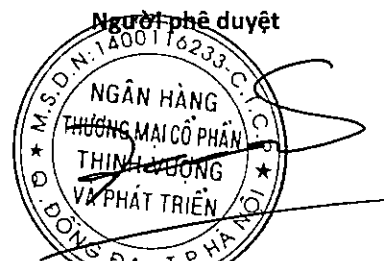
	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định		(31.682)	(35.651)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.461	5.846
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		132	44
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(30.089)</b>	<b>(29.761)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>3.872.830</b>	<b>3.516.398</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>12.228.588</b>	<b>8.712.190</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>32</b>	<b>16.101.418</b>	<b>12.228.588</b>

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt





Hoàng Tố Tâm  
Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Nguyễn Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Trần Văn Luân  
Phó Tổng Giám đốc thường trực  
(Theo Quyết định Ủy quyền số  
90/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 13  
tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch  
HĐQT)

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG****Thành lập và hoạt động**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex) ("Ngân hàng"), tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười, được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0045/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13 tháng 11 năm 1993 với thời gian hoạt động là 20 năm. Theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2007, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được chấp thuận đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được tăng lên thành 99 năm kể từ ngày 13 tháng 11 năm 1993 theo Quyết định số 3061/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giấy phép được điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 42/GP-NHNN được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16 tháng 6 năm 2021. Ngày 19 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định số 2346/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung tên Ngân hàng tại Giấy phép thành lập và hoạt động, tên Ngân hàng đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển. Tên viết tắt: PGBank.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài chính thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ trung gian môi giới và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cho phép.

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 3.000.000 triệu đồng.

**Mạng lưới hoạt động**

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là (01) Hội sở chính, mười tám (18) chi nhánh, sáu mươi tư (64) phòng giao dịch đang hoạt động ở các tỉnh và thành phố trên cả nước.

**Nhân viên**

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.909 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.700 người).

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh của Báo cáo tình hình tài chính và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trình bày tại Thuyết minh số 21.3.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI**

Ngày 23 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính của Ngân hàng bao gồm:

- Quy định điều kiện của các khoản nợ bao gồm số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, đồng thời quy định về việc giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ sau khi thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- Quy định về việc trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư này;

Thông tư 02 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2023. Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 02 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ("Thông tư 18") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính của Ngân hàng bao gồm:

- Quy định nguyên tắc mua, bán nợ, bao gồm trường hợp mua, bán nợ trong trường hợp bên mua nợ chưa thanh toán đủ số tiền mua nợ;

- Quy định theo dõi quản lý trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ;
- Quy định xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ đã mua, bán, bao gồm các trường hợp: Bán các khoản nợ có nợ gốc đang hạch toán nội bảng, bán các khoản nợ gốc đang theo dõi ngoại bảng, bán các khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng, mua nợ có giá mua nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua, mua nợ có giá mua lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua.

Thông tư 18 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 2 năm 2023. Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 18 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

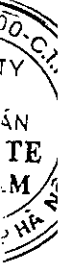
Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Ngoại tệ**

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại Thuyết minh số 45). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày kết thúc năm tài chính để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngày phát sinh giao dịch. Tại thời điểm cuối năm, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, kim loại quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.



**Tiền gửi và cho vay các TCTD khác**

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 (“Thông tư 11”) của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại các TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nhà nước theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài và cho vay các TCTD khác tương tự như đối với các khoản cho vay khách hàng.

**Các hợp đồng phái sinh tiền tệ**

**Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ**

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng tại khoản mục “Các khoản lãi, phí phải thu” hoặc “Các khoản lãi, phí phải trả” trên Báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn được đánh giá lại và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các hợp đồng kỳ hạn được hạch toán vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên báo cáo kết quả hoạt động.

**Các khoản cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của Ngân hàng đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi Ngân hàng chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), Ngân hàng tiến hành đưa ra ngoại bảng để theo dõi theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“Công văn 8499”) và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 (“Công văn 925”).

**Dự phòng rủi ro tín dụng**

*Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng*

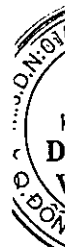
Theo Thông tư 11, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11 được áp dụng với các tài sản Có (gọi tắt là “nợ”) bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
- Ủy thác cấp tín dụng;
- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Mua, bán nợ theo quy định của NHNN về hoạt động mua, bán nợ;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao nhất khi thực hiện phân loại nợ đồng thời theo Điều 10 của Thông tư 11 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) của Ngân hàng Nhà nước cung cấp tại thời điểm phân loại nợ.

Ngân hàng thực hiện giữ nguyên nhóm nợ đối với một số khoản vay theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19; Thông tư số 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư 03”) ngày 02 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01; Thông tư số 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 và các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro; Thông tư số 02/2023/TT-NHNN (“Thông tư 02”) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng dựa trên dư nợ tại thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.



Rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 11. Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Thông tư 03, Ngân hàng cần thực hiện trích dự phòng cụ thể đối với các khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này như sau:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung, và;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng có dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 02) như sau:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo Thông tư 11, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Thông tư 11.

#### **Xử lý rủi ro tín dụng**

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo quy định tại Thông tư 11, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

### **Mua nợ**

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua.

Trường hợp giá mua nợ nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua.

Số tiền nợ gốc thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Trường hợp, số tiền mua nợ đã được thu hồi hết, số nợ gốc còn lại (phần chênh lệch còn lại giữa số nợ gốc của khoản nợ được mua với số tiền mua nợ) thu được được ghi nhận vào thu nhập.

Số tiền nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ ghi nhận vào thu nhập.

Trường hợp giá mua nợ lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua

Số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Đến thời điểm khi số tiền đã mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ đã mua tại thời điểm đó, số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ thực hiện xử lý theo quy định tại trường hợp trên.

Trường hợp nếu không thu hồi hết số tiền đã mua nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xử lý số tiền không thu hồi được theo quy định về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định pháp luật có liên quan.

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày ở Thuyết minh Dự phòng rủi ro tín dụng.

### **Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng**

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 11 của Thông tư 11 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng ("CIC") của Ngân hàng Nhà nước cung cấp tại thời điểm phân loại nợ. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

### **Các khoản đầu tư**

#### **Chứng khoán đầu tư**

##### **Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn mà Ngân hàng nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và đồng thời Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

*Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng*

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 ("Công văn 8499") và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 ("Công văn 925"). Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ đi dự phòng rủi ro.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế (TCKT) trong nước phát hành được nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2016 và Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ban hành ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19.



Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa (Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt chia kỳ hạn của trái phiếu đó nhân với số năm lũy kế kể từ thời điểm phát sinh) trừ (Tổng số tiền thu hồi nợ lũy kế của khoản nợ xấu tính đến thời điểm trích lập và số tiền dự phòng cụ thể lũy kế đã trích lập tính đến thời điểm trích lập liền trước của trái phiếu đó). Hàng năm, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng trích lập đầy đủ số dự phòng cụ thể nói trên và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này.

Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

#### ***Phân loại lại***

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa một (01) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư. Trong những trường hợp đặc biệt hoặc khi có số lượng lớn chứng khoán phải phân loại lại (lớn hơn hoặc bằng 50% giá trị khoản mục), Ngân hàng sẽ thực hiện thuyết minh trên báo cáo tài chính về sự tác động của việc phân loại lại trong tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như thu nhập và chi phí của Ngân hàng.

#### ***Đầu tư dài hạn khác***

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn dài hạn vào các đơn vị khác và Ngân hàng không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

#### ***Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu doanh nghiệp mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên Báo cáo kết quả hoạt động. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

#### ***Ghi nhận***

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch). Chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo các chính sách kế toán trình bày ở phần trên.

#### ***Dừng ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

#### **Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết sẽ mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản mục "Cho vay khách hàng" trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết sẽ bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

#### **Ủy thác và nguồn vốn ủy thác**

Các khoản ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết. Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính của Ngân hàng.

#### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

#### **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tại thời điểm nhận tài sản thuê, Ngân hàng ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản cố định thuê tài chính và nợ phải trả về thuê tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính (số tiền lãi thuê tài chính) và khoản phải trả nợ gốc từng kỳ sao cho số tiền thanh toán mỗi kỳ bằng nhau.

Ngân hàng tính, trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính vào chi phí khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Ngân hàng. Nếu không chắc chắn là Ngân hàng sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Giá trị tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục chi phí hoạt động khác trong suốt thời hạn thuê tài sản.

#### **Khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định.

<b><u>Loại tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian hữu dụng ước tính</u></b> <b><u>(số năm)</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5
Phần mềm máy tính	1 - 5
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 4

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không phải trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp quyền sử dụng đất.

#### **Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên và không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

01  
CƠ  
T  
IÊN  
3L  
IÊN  
/D

#### **Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng khác**

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Ngân hàng có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng khác được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Vốn và các quỹ**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại vào vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.

##### ***Các quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định.

#### **Doanh thu và chi phí**

##### ***Thu nhập và chi phí lãi***

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11, lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14, Thông tư 02 và Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu lãi và chi phí lãi của các khoản chứng khoán đầu tư được hạch toán theo nguyên tắc dự thu, dự chi. Đối với các khoản lãi dự thu phát sinh từ các khoản chứng khoán đầu tư bị quá hạn sẽ không được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm và các khoản dự thu này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Ngân hàng thực nhận.

00  
T  
H  
OÁ  
T  
IA  
TP

***Thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng***

Các khoản thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán khi phát sinh.

***Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh***

Các khoản thu nhập từ phí bảo lãnh được hạch toán trên cơ sở dự thu, phân bổ.

***Ghi nhận cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức nhận được bằng tiền và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư và góp vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia của Ngân hàng được xác định. Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu là các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần thì không ghi tăng giá trị cổ phiếu được nhận và không ghi nhận là thu nhập hoạt động tài chính trong báo cáo tài chính mà chỉ theo dõi số cổ phiếu tăng thêm theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lợi ích của nhân viên**

***Trợ cấp nghỉ hưu***

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngân hàng phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương vị trí công việc hàng tháng cho thời gian làm việc tại Ngân hàng của người lao động. Ngoài ra, Ngân hàng còn sử dụng Quỹ phúc lợi để chi trả trợ cấp nghỉ hưu một lần cho nhân viên theo quy định riêng của Ngân hàng.

***Trợ cấp thôi việc***

Theo Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc không gồm thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

***Trợ cấp mất việc***

Theo Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế, sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Mỗi năm làm việc được trả 01 tháng lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề trước khi người lao động mất việc làm. Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm không gồm thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

***Bảo hiểm thất nghiệp***

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 07 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm năm 2013 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
  - Có góp vốn vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
  - Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;

- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

**Cấn trừ**

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên Báo cáo tình hình tài chính chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

**5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền mặt bằng VND	219.792	319.901
Tiền mặt bằng ngoại tệ	9.551	12.562
	<b>229.343</b>	<b>332.463</b>

**6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (“NHNN”)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền gửi tại NHNN bằng VND	1.597.364	815.834
Tiền gửi tại NHNN bằng ngoại tệ	4.354	39.449
	<b>1.601.718</b>	<b>855.283</b>

Tiền gửi tại NHNN gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước của khách hàng nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm và đầu năm:

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng USD có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng USD có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%

Lãi suất tại các thời điểm cuối năm và đầu năm:

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền gửi bằng VND trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,5%	0,5%
Tiền gửi bằng VND ngoài hạn mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD ngoài hạn mức dự trữ bắt buộc	0%	0%

**7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại các TCTD khác	14.270.357	11.040.842
Tiền gửi không kỳ hạn	3.070.357	4.130.842
- Bằng VND	2.656.897	3.640.826
- Bằng ngoại tệ	413.460	490.016
Tiền gửi có kỳ hạn	11.200.000	6.910.000
- Bằng VND	11.200.000	6.910.000
	<b>14.270.357</b>	<b>11.040.842</b>

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi tại các TCTD khác (không bao gồm tiền gửi thanh toán tại TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của NHNN theo Thông tư 11) và cho vay các TCTD khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.249.590	6.989.282
	<b>11.249.590</b>	<b>6.989.282</b>

**8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/(CÔNG NỢ) TÀI CHÍNH KHÁC**

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/ (Nợ phải trả)	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/ (Nợ phải trả)
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.489.277	1.161	1.002.326	13.646
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	969.394	3.083	-	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	519.883	(1.922)	1.002.326	13.646
	<b>1.489.277</b>	<b>1.161</b>	<b>1.002.326</b>	<b>13.646</b>



9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	35.333.856	29.049.690
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.156	1.156
	<b>35.335.012</b>	<b>29.050.846</b>

Phân tích chất lượng nợ cho vay:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	33.502.959	94,82	27.821.120	95,77
Nợ cần chú ý	823.779	2,33	485.183	1,67
Nợ dưới tiêu chuẩn	221.231	0,63	62.262	0,21
Nợ nghi ngờ	293.570	0,83	119.495	0,41
Nợ có khả năng mất vốn	493.473	1,39	562.786	1,94
	<b>35.335.012</b>	<b>100,00</b>	<b>29.050.846</b>	<b>100,00</b>

Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của khoản vay:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn (Dưới 1 năm)	19.125.612	15.796.165
Nợ trung hạn (Từ 1 tới 5 năm)	4.215.036	3.189.797
Nợ dài hạn (Trên 5 năm)	11.994.364	10.064.884
	<b>35.335.012</b>	<b>29.050.846</b>

Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ cho vay:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay bằng VND	34.690.606	27.803.287
Cho vay bằng ngoại tệ	644.406	1.247.559
	<b>35.335.012</b>	<b>29.050.846</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Nhà nước	210.845	0,60	203.657	0,70
Công ty TNHH trên một thành viên với vốn Nhà nước trên 50%	177.610	0,50	371.085	1,28
Công ty TNHH khác	4.767.269	13,49	3.273.246	11,27
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	104.923	0,30	251.117	0,86
Doanh nghiệp tư nhân	8.422	0,02	195.920	0,67
Công ty cổ phần khác	14.843.674	42,01	11.476.885	39,51
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	600.896	1,70	352.097	1,21
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	5.627	0,02	5.920	0,02
Hộ kinh doanh, cá nhân	14.560.599	41,21	12.794.855	44,04
Thành phần kinh tế khác	55.147	0,15	126.064	0,44
	<b>35.335.012</b>	<b>100,00</b>	<b>29.050.846</b>	<b>100,00</b>

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B05/TCTD**

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	2.239.021	6,34	2.012.812	6,93
Khai khoáng	142.060	0,40	247.832	0,85
Công nghiệp chế biến, chế tạo	604.795	1,71	107.783	0,37
SX&PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	197.157	0,56	244.334	0,84
Xây dựng	3.955.534	11,19	3.144.377	10,82
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	3.905.185	11,05	1.700.928	5,86
Dịch vụ lưu trú & ăn uống	905.616	2,56	693.264	2,39
Vận tải, kho bãi	988.639	2,80	848.465	2,92
Hoạt động tài chính, bảo hiểm	4.065.154	11,50	2.839.931	9,78
Hoạt động chuyên môn, khoa học & công nghệ	63.207	0,18	46.060	0,16
Hoạt động hành chính & dịch vụ hỗ trợ	23.986	0,07	3.269	0,01
Giáo dục và đào tạo	64.235	0,18	9.232	0,03
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	195.796	0,55	140.499	0,48
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	57.523	0,16	20.732	0,07
Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.099.411	5,94	2.223.500	7,65
Cung cấp nước, QL&XL rác thải, nước thải	28.590	0,08	33.317	0,11
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	338.534	0,96	301.417	1,04
Thông tin & truyền thông	37.899	0,11	7.677	0,03
Hoạt động dịch vụ khác	15.384.250	43,54	14.425.417	49,66
Ngành hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc tế	31.324	0,09	-	-
Ngành hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	7.096	0,03	-	-
	<b>35.335.012</b>	<b>100,00</b>	<b>29.050.846</b>	<b>100,00</b>

**10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG**

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	69.215	213.660	282.875
Số trích lập dự phòng trong năm	99.330	47.651	146.981
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLRR") trong năm	(78.105)	-	(78.105)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>90.440</b>	<b>261.311</b>	<b>351.751</b>

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	40.538	202.615	243.153
Số trích lập dự phòng trong năm	82.342	11.045	93.387
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLRR") trong năm	(53.665)	-	(53.665)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>69.215</b>	<b>213.660</b>	<b>282.875</b>

**11. MUA NỢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Mua nợ bằng VND	22.920	2.179.426
Mua nợ bằng ngoại tệ	-	1.044.402
Dự phòng rủi ro	(172)	(24.179)
	<b>22.748</b>	<b>3.199.649</b>

Giá trị các khoản nợ gốc đã mua

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc đã mua	22.920	3.223.828
	<b>22.920</b>	<b>3.223.828</b>

Phân tích chất lượng nợ mua

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	22.920	3.223.828
	<b>22.920</b>	<b>3.223.828</b>

**12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

**12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>2.225.648</b>	<b>2.536.489</b>
Chứng khoán Chính phủ	1.725.646	2.336.447
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	200.042
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	500.002	-
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>-</b>	<b>2.235</b>
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	2.235
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>(3.750)</b>	<b>(1.429)</b>
Dự phòng giảm giá	-	(1.429)
Dự phòng chung	(3.750)	-
	<u><b>2.221.898</b></u>	<u><b>2.537.295</b></u>

**12.2 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	949.273	951.905
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(238.361)	(222.893)
	<u><b>710.912</b></u>	<u><b>729.012</b></u>

**12.3 Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (không bao gồm trái phiếu đặc biệt)**

	<u>Dự phòng giảm giá</u>	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Tổng cộng</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	1.429	-	1.429
(Hoàn nhập)/Trích lập trong năm	(1.429)	3.750	2.321
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>3.750</u>	<u>3.750</u>

**12.4 Biến động dự phòng trái phiếu đặc biệt**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	222.893	95.626
Trích trong năm	110.243	127.267
Sử dụng dự phòng tất toán trái phiếu trong năm	(94.775)	-
Số dư cuối năm	<u>238.361</u>	<u>222.893</u>

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	529	488
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(41)	-
	<u>488</u>	<u>488</u>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Liên doanh Hóa chất PTN	488	5,10	488	5,10
Công ty Cổ phần Công nghệ mới	41	0,07	-	-
Kim Tự Tháp Việt Nam				
	<u>529</u>		<u>488</u>	

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**14.1 Tài sản cố định hữu hình**

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình												
Số dư đầu năm	195.271	6.572	84.178	191.385	2.199	479.605						
Mua mới trong năm	116	-	10.372	6.081	1.305	17.874						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.167)	(13.625)	(163)	(18.955)						
Số dư cuối năm	195.387	6.572	89.383	183.841	3.341	478.524						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	41.884	6.467	55.793	137.024	750	241.918						
Khấu hao trong năm	4.798	44	6.454	20.127	606	32.029						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.167)	(13.625)	(129)	(18.921)						
Số dư cuối năm	46.682	6.511	57.080	143.526	1.227	255.026						
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình												
Số dư đầu năm	153.387	105	28.385	54.361	1.449	237.687						
Số dư cuối năm	148.705	61	32.303	40.315	2.114	223.498						

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 140.185 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 154.272 triệu VND).

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**14.2 Tài sản vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
Số dư đầu năm	30.917	83.841	72	114.830
Mua trong năm	-	11.218	-	11.218
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.146)	-	(4.146)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.917</b>	<b>90.913</b>	<b>72</b>	<b>121.902</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	5.933	57.524	72	63.529
Khấu hao trong năm	1.483	7.169	-	8.652
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.146)	-	(4.146)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.416</b>	<b>60.547</b>	<b>72</b>	<b>68.035</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
Số dư đầu năm	24.984	26.317	-	51.301
Số dư cuối năm	23.501	30.366	-	53.867

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 49.247 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51.996 triệu VND).

**15. TÀI SẢN CÓ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>528.992</b>	<b>578.032</b>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	760	-
- Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 15.1)	528.232	578.032
<b>Các khoản lãi và phí phải thu</b>	<b>569.031</b>	<b>567.008</b>
<b>Tài sản Có khác</b>	<b>112.325</b>	<b>118.129</b>
- Chi phí chờ phân bổ	35.414	44.100
- Tài sản gán nợ chờ xử lý	71.575	71.575
- Tài sản Có khác	5.336	2.454
<b>Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác</b>	<b>(38.481)</b>	<b>(37.669)</b>
	<b>1.171.867</b>	<b>1.225.500</b>



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**15.1 Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	13.007	11.545
Các khoản phải thu bên ngoài	515.225	566.487
Trong đó:		
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	138.480	49.024
Phải thu từ dịch vụ thanh toán	99.224	262.709
Đặt cọc thuê nhà văn phòng và sử dụng dịch vụ văn phòng	9.839	4.903
Chi phí xử lý tài sản bảo đảm nợ	16.978	14.972
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tiến An	225.053	225.053
Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán	6.167	2.887
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	1.290	1.661
Các khoản phải thu khác	18.194	5.278
	<u>528.232</u>	<u>578.032</u>

**15.2 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Số đầu năm	37.669	22.669
Trích lập trong năm	812	15.000
Số cuối năm	<u>38.481</u>	<u>37.669</u>

**16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	2.749.632	3.737.379
- Bằng VND	2.506.932	3.501.979
- Bằng ngoại tệ	242.700	235.400
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	10.818.430	5.415.303
- Bằng VND	10.600.000	5.005.000
- Bằng ngoại tệ	218.430	410.303
Vay các TCTD khác	-	1.787.934
- Bằng VND	-	848.000
- Bằng ngoại tệ	-	939.934
	<u>13.568.062</u>	<u>10.940.616</u>

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>5.913.319</b>	<b>5.446.216</b>
- Bảng VND	5.784.761	5.181.701
- Bảng ngoại tệ	128.558	264.515
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>29.585.979</b>	<b>25.667.894</b>
- Bảng VND	29.484.729	25.469.581
- Bảng ngoại tệ	101.250	198.313
<b>Tiền gửi ký quỹ</b>	<b>230.480</b>	<b>145.720</b>
- Bảng VND	230.474	145.714
- Bảng ngoại tệ	6	6
<b>Tiền gửi vốn chuyên dụng</b>	<b>33</b>	<b>43</b>
- Bảng VND	4	4
- Bảng ngoại tệ	29	39
	<b><u>35.729.811</u></b>	<b><u>31.259.873</u></b>

Phân loại khách hàng theo loại hình tổ chức:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổ chức kinh tế	9.626.429	8.050.332
Cá nhân	26.103.382	23.209.541
	<b><u>35.729.811</u></b>	<b><u>31.259.873</u></b>

**18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
<b>Trái phiếu</b>		
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	500.000	500.000
	<b><u>500.000</u></b>	<b><u>500.000</u></b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	41.070	43.300
Các khoản phải trả bên ngoài (Thuyết minh số 19.1)	49.338	1.040.398
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32.785	46.281
	<b><u>123.193</u></b>	<b><u>1.129.979</u></b>

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**19.1 Các khoản phải trả bên ngoài**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Các khoản treo chờ chuyển tiền	28.910	1.004.410
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	19.813	28.777
Phải trả về xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản	282	155
Phải trả cổ tức cho cổ đông (*)	-	1.768
Phải trả khác	333	5.288
	<b>49.338</b>	<b>1.040.398</b>

(\*) Phần cổ tức phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng cổ đông chưa đến nhận.

**20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>Phát sinh trong năm</b>			<b>Số dư cuối năm</b>
	<b>Số dư đầu năm</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Thuế GTGT	1.393	8.886	(9.209)	1.070
Thuế TNDN	22.855	71.936	(79.158)	15.633
Các loại thuế khác	4.196	25.505	(26.591)	3.110
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	-	86	(86)	-
	<b>28.444</b>	<b>106.413</b>	<b>(115.044)</b>	<b>19.813</b>

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B05/TCTD

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ

21.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	3.000.000	650	209.652	107.417	1.266.809	4.584.528
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	279.895	279.895
Trích các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2022	-	-	40.369	20.184	(60.553)	-
Khác	-	-	-	-	(599)	(599)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.000.000	650	250.021	127.601	1.485.552	4.863.824

	Vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	3.000.000	650	183.814	94.498	901.884	4.180.846
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	403.687	403.687
Trích các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2021	-	-	25.838	12.919	(38.757)	-
Khác	-	-	-	-	(5)	(5)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.000.000	650	209.652	107.417	1.266.809	4.584.528

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Vốn cổ phần phổ thông	Tỷ lệ sở hữu	Tổng số	Vốn cổ phần phổ thông	Tỷ lệ sở hữu
	Triệu VND	Triệu VND	%	Triệu VND	Triệu VND	%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Phát triển thương mại Gia Linh	392.960	392.960	13,099%	-	-	0,000%
Công ty Cổ phần Quốc tế Cường Phát	406.240	406.240	13,541%	-	-	0,000%
Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Anh Đức	400.792	400.792	13,359%	-	-	0,000%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	-	0,00%	1.200.000	1.200.000	40,000%
Cổ đông khác	1.800.008	1.800.008	60,001%	1.800.000	1.800.000	60,000%
	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>100,000%</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>100,000%</b>

21.3 Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (*)	420.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	420.000.000	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

(\*) Số liệu bao gồm 120 triệu cổ phiếu được phát hành theo thông báo số 48/2024/TB-PGB ngày 31 tháng 1 năm 2024 nhằm mục đích tăng vốn từ nguồn vốn Chủ sở hữu, theo đó nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

22. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	162.666	143.445
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	2.997.805	2.284.878
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	116.739	156.532
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	116.739	156.532
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	31.794	28.894
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	88.561	67.953
Thu khác từ hoạt động tín dụng	58.303	66.638
	<b>3.455.868</b>	<b>2.748.340</b>

**23. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	2.078.126	1.425.241
Trả lãi tiền vay	34.712	20.487
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	24.971	21.500
Chi phí hoạt động tín dụng khác	16.705	70.887
	<u>2.154.514</u>	<u>1.538.115</u>

**24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>99.301</b>	<b>117.677</b>
Hoạt động thanh toán	27.767	33.608
Hoạt động ngân quỹ	29.152	31.728
Dịch vụ khác	42.382	52.341
<b>Chi phí từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>(64.611)</b>	<b>(38.452)</b>
Hoạt động thanh toán	(5.036)	(10.502)
Hoạt động ngân quỹ	(10.870)	(11.090)
Bưu điện, viễn thông	-	(51)
Dịch vụ tư vấn	(199)	(679)
Dịch vụ khác	(48.506)	(16.130)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>34.690</b>	<b>79.225</b>

**25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG VÀ NGOẠI HỐI**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>105.808</b>	<b>149.309</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	24.053	18.859
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	81.755	130.450
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>(86.357)</b>	<b>(106.628)</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(9)	(20)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(86.348)	(106.608)
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>19.451</b>	<b>42.681</b>

26. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	46	29.338
Chi phí về mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(1.179)	(5.518)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng chứng khoán đầu tư	(2.321)	3.446
	<b>(3.454)</b>	<b>27.266</b>

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	43.472	170.683
Thu nhập từ nợ xấu đã được xử lý	31.856	120.460
Thu nhập về các công cụ tài chính phái sinh khác	2.481	1.752
Thu khác	9.135	48.471
Chi phí hoạt động khác	(2.175)	(18.643)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(1.559)	(1.225)
Chi hỗ trợ công tác xã hội	(280)	(1.108)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(336)	(16.310)
Lãi thuần từ hoạt động khác	<b>41.297</b>	<b>152.040</b>

28. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Cổ tức nhận được; lãi được chia trong năm từ góp vốn, mua cổ phần:	132	44
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	132	44
	<b>132</b>	<b>44</b>

KI  
 ĐE  
 VI  
 NG

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
1. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	13.531	12.095
2. Chi phí cho nhân viên	482.687	458.595
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	433.154	419.140
- Các khoản chi đóng góp theo lương	36.437	28.899
- Chi trợ cấp	4.085	339
- Chi khác cho nhân viên	9.011	10.217
3. Chi về tài sản	145.252	134.481
Trong đó: khấu hao tài sản cố định	40.682	35.986
4. Chi cho hoạt động quản lý công vụ	130.786	109.960
Trong đó:		
- Công tác phí	7.426	4.860
- Chi hoạt động đoàn thể của TCTD	2.796	1.588
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	35.912	30.782
6. Chi phí dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán)	41	-
	<b>808.209</b>	<b>745.913</b>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) HIỆN HÀNH

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>351.232</b>	<b>505.735</b>
Trừ:		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(20)	(44)
Thu về cổ tức, lợi nhuận được chia và góp vốn	(112)	-
Cộng:		
Chi phí khác không được khấu trừ thuế	5.584	4.549
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>356.684</b>	<b>510.240</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất	71.337	102.048
Điều chỉnh khác	-	-
<b>Thuế TNDN trong năm</b>	<b>71.337</b>	<b>102.048</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>22.855</b>	<b>10.221</b>
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(79.158)	(89.419)
Khác	599	5
<b>Thuế TNDN phải trả thuần cuối năm</b>	<b>15.633</b>	<b>22.855</b>



31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế (triệu VND)	279.895	403.687
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu VND)	279.895	403.687
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản (cổ phiếu) (*)	420.000.000	420.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	666	961

(\*) Số liệu bao gồm 120 triệu cổ phiếu được phát hành theo thông báo số 48/2024/TB-PGB ngày 31 tháng 1 năm 2024 nhằm mục đích tăng vốn từ nguồn vốn Chủ sở hữu, theo đó nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

32. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	229.343	332.463
Tiền gửi tại NHNN	1.601.718	855.283
Tiền gửi tại các TCTD khác	14.270.357	11.040.842
- Không kỳ hạn	3.070.357	4.130.842
- Có kỳ hạn không quá 3 tháng	11.200.000	6.910.000
	<b>16.101.418</b>	<b>12.228.588</b>

33. TÌNH HÌNH THU NHẬP CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên tại cuối năm (người)	1.909	1.700
Số lượng nhân viên trung bình trong năm (người)	1.737	1.681
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)		
1. Tổng quỹ lương	385.281	335.935
2. Thu nhập khác	64.885	88.651
3. Tổng thu nhập (1+2)	450.166	424.586
4. Tiền lương bình quân tháng (triệu VND/ người/ tháng)	18.48	16.65
5. Thu nhập bình quân tháng	21.60	21.05

**34. NGHĨA VỤ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo lãnh vay vốn	12.976	15.039
Cam kết giao dịch hối đoái	572.772	1.023.990
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	14.562	-
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	36.405	35.310
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	521.805	988.680
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	480.507	704.823
Bảo lãnh khác	4.103.025	2.467.754
Các cam kết khác	795.247	293.471
Nợ khó đòi đã xử lý	2.843.727	2.738.076
Tài sản và chứng từ khác	2.358.508	1.673.203

**35. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Lãi cho vay chưa thu được	652.104	678.835
	<u>652.104</u>	<u>678.835</u>

**36. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.907.470	1.812.482
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	936.257	925.594
	<u>2.843.727</u>	<u>2.738.076</u>

**37. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tài sản khác giữ hộ	2.358.508	1.673.203
	<u>2.358.508</u>	<u>1.673.203</u>

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Số dư	Phải thu	(Phải trả)
		Triệu VND	Triệu VND
Cổ đông lớn	- Tiền gửi không kỳ hạn	-	0.836
Thành viên	- Tiền gửi không kỳ hạn	-	5.715
HĐQT/BKS/Ban TGD và người liên quan	- Tiền gửi có kỳ hạn	-	10.179

Giao dịch với bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Triệu VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Cổ đồng lớn (*)	- Bán ngoại tệ - Chi phí lãi tiền gửi	3.835.279 8.106
Các công ty con và công ty liên kết trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	- Chi phí lãi tiền gửi - Doanh thu lãi cho vay	49.566 41.439

(\*) Tại ngày 28 tháng 8 năm 2023, Ngân hàng đã nhận được chấp thuận Ngân hàng Nhà nước về việc 03 Công ty mua, nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). Theo đó, Petrolimex không còn là cổ đông lớn của Ngân hàng từ thời điểm này.

Chi tiết thù lao và tiền lương của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	7.625	7.241
Thành viên Ban Kiểm soát	4.024	4.977
Ban Tổng Giám đốc	14.569	14.362

39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

	Tổng dư nợ cho vay và mua nợ	Tổng tiền gửi tại NHNN và các TCTD khác	Tổng tiền gửi, vay nhận từ các TCTD khác và GTCG		Tổng tiền gửi nhận từ khách hàng	Các cam kết tín dụng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
			phát hành cho các TCTD khác	Triệu VND				
Trong nước	35.357.932	15.872.075	14.068.062	35.729.811	5.391.755	1.161	3.174.921	

**40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng thường gặp phải là rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

*Chính sách quản lý rủi ro*

Hội đồng Quản trị Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng theo từng lĩnh vực quản lý. Toàn bộ các ban thuộc Hội đồng Quản trị đều có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách và định kỳ báo cáo lên Hội đồng Quản trị về các hoạt động của mình.

Chính sách rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng thực hiện các cuộc soát xét định kỳ và đột xuất đối với các hệ thống và thủ tục kiểm soát quản lý rủi ro và báo cáo kết quả soát xét lên Hội đồng Quản trị.

Cùng với việc thiết lập các bộ phận và chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính, Ngân hàng cũng thực hiện phối hợp với các đối tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông hỗ trợ công tác quản lý rủi ro bằng việc xây dựng hệ thống tích hợp các công cụ quản lý rủi ro nhằm bảo vệ khách hàng, nhà cung cấp và tăng cường sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Các chính sách rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản được phân tích chi tiết tại các Thuyết minh 41, 42, 43 và 44.

**41. RỦI RO TIỀN TỆ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà tài sản của Ngân hàng hoặc giá trị của khoản đầu tư bị ảnh hưởng do những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Tài sản của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng ngoại tệ khác. Ngân hàng đã xác lập hệ thống hạn mức để quản lý rủi ro ngoại hối phát sinh từ các trạng thái ngoại tệ đang được nắm giữ. Các trạng thái ngoại tệ được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo các chỉ tiêu quản lý rủi ro được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B05/TCTD

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	EUR quy đổi		USD quy đổi		Các ngoại tệ khác quy đổi		Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
<b>Tài sản</b>							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.813	7.738	-	-	-	-	9.551
Tiền gửi tại NHNN	-	4.354	-	-	-	-	4.354
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	10.452	396.348	6.660	6.660	-	-	413.460
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	486.249	-	-	-	-	486.249
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	-	644.406	-	-	-	-	644.406
Các tài sản Có khác (*)	-	156.005	3	3	-	-	156.008
<b>Tổng tài sản</b>	<b>12.265</b>	<b>1.695.100</b>	<b>6.663</b>	<b>6.663</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>1.714.028</b>
	-						
<b>Nợ phải trả</b>							
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	461.130	-	-	-	-	461.130
Tiền gửi của khách hàng	11.068	217.883	892	892	-	-	229.843
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	1.007.205	848	848	-	-	1.008.053
Các khoản nợ khác	2	659	-	-	-	-	661
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.070</b>	<b>1.686.877</b>	<b>1.740</b>	<b>1.740</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.699.687</b>
Trạng thái tiền tệ nội bảng	1.195	8.224	4.923	4.923	-	-	14.342
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	(21.843)	-	-	-	-	(21.843)
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>1.195</b>	<b>(13.619)</b>	<b>4.923</b>	<b>4.923</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(7.501)</b>

(\*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

**42. RỦI RO LÃI SUẤT**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà Ngân hàng phải gánh chịu khi có sự biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng. Kỳ hạn định giá lại là kỳ hạn còn lại tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính đến kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích kỳ hạn định giá lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc, đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn; tài sản cố định; tài sản Có khác và các khoản nợ khác được xếp loại khoản mục không chịu rủi ro lãi suất;
- ▶ Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp vào kỳ hạn không chịu rủi ro lãi suất đối với phần ngoài dự trữ bắt buộc VND và trong dự trữ bắt buộc USD (theo thông báo về dự trữ bắt buộc trong kỳ của Sở giao dịch NHNN); xếp vào kỳ hạn đến một tháng đối với phần số dư còn lại;
- ▶ Chứng khoán kinh doanh: Kỳ định lại lãi suất được xác định dựa trên thông tin về thời gian đáo hạn thực tế hoặc kỳ hạn nắm giữ còn lại theo quy định hoặc kỳ định lại lãi suất gần nhất (đối với chứng khoán kinh doanh có lãi suất thả nổi) tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- ▶ Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; chứng khoán đầu tư; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá; Kỳ định lại lãi suất được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế hoặc kỳ định lại lãi suất gần nhất (đối với các khoản mục có lãi suất thả nổi) tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, tùy theo thời điểm nào đến trước.

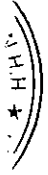
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B05/TCTD

Bảng sau trình bày rủi ro lãi suất của ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Không chịu		Kỳ thay đổi lãi suất					Tổng
	rủi ro		Từ trên		Từ trên		Tổng	
	Quá hạn	lãi suất do	Từ 1 đến	6 tháng đến	1 năm đến	5 năm		
Triệu VND	định giá lại	3 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	Triệu VND		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	229.343	-	-	-	-	229.343	
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	-	-	1.601.718	
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	700.000	-	-	-	14.270.357	
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	1.161	-	-	-	1.161	
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	1.398.421	-	10.395.323	6.639.364	8.555.979	1.099.753	35.357.932	
Chứng khoán đầu tư (*)	-	961.921	100.000	100.000	800.000	-	3.174.921	
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	529	-	-	-	-	529	
Tài sản cố định	-	277.365	-	-	-	-	277.365	
Tài sản Có khác (*)	-	1.210.347	-	-	-	-	1.210.347	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.398.421</b>	<b>2.679.505</b>	<b>11.195.323</b>	<b>6.739.364</b>	<b>9.455.979</b>	<b>1.899.753</b>	<b>56.123.673</b>	
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	600.000	-	-	-	13.568.062	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	6.533.631	7.729.348	3.735.689	3.598.428	35.729.811	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	500.000	500.000	
Các khoản nợ khác	-	829.160	-	-	-	-	829.160	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>829.160</b>	<b>7.133.631</b>	<b>7.729.348</b>	<b>3.735.689</b>	<b>4.098.428</b>	<b>50.627.033</b>	
Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội bảng	1.398.421	1.850.345	4.061.692	989.984	5.720.290	(2.198.675)	5.496.640	
Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội, ngoại bảng	1.398.421	1.850.345	4.061.692	989.984	5.720.290	(2.198.675)	5.496.640	

(\*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.



**43. RỦI RO THANH KHOẢN**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do: (i) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính; hoặc (ii) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường để thực hiện nghĩa vụ đó. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng duy trì cơ cấu tài sản nợ và tài sản có phù hợp, đồng thời tăng cường khả năng huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Ngân hàng có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản cao, linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản thanh khoản hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc) được xếp vào loại tiền gửi thanh toán và phân vào dải đến 1 tháng;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh dựa trên thời gian đáo hạn thực tế hoặc thời gian nắm giữ còn lại được phép tùy theo thời điểm nào đến trước;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán nợ đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán nợ;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó, được phân vào dải kỳ hạn ngắn nhất là đến 1 tháng. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu hoặc các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thể rút trước hạn (không thực hiện đúng đến ngày đáo hạn ghi trên hợp đồng);
- ▶ Thời gian đến hạn của các tài sản cố định được phân bổ vào dải kỳ hạn từ 05 năm trở lên.



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B05/TCTD**

Bảng sau trình bày rủi ro thanh khoản của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên		Trên 5 năm	
				1 tháng đến 3 tháng	3 tháng đến 1 năm		
Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tài sản</b>							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	229.343	-	-	-	229.343
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.601.718	-	-	-	1.601.718
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	13.570.357	700.000	-	-	14.270.357
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	1.161	-	-	-	1.161
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	1.398.421	-	1.430.013	6.259.755	12.553.549	7.230.013	6.486.180
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	100.187	1.061.664	1.702.723	310.347
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	529
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	277.365
Tài sản Có khác (*)	225.053	-	204.829	14.458	40.817	725.190	1.210.347
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.623.474</b>	-	<b>17.037.421</b>	<b>7.074.400</b>	<b>13.656.030</b>	<b>9.657.926</b>	<b>56.123.673</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	12.968.062	600.000	-	-	13.568.062
Tiền gửi của khách hàng	-	-	14.132.715	6.533.631	11.465.037	3.598.428	35.729.811
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	500.000	500.000
Các khoản nợ khác	-	-	334.010	236.868	200.404	57.878	829.160
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	<b>27.434.787</b>	<b>7.370.499</b>	<b>11.665.441</b>	<b>4.156.306</b>	<b>50.627.033</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>1.623.474</b>	-	<b>(10.397.366)</b>	<b>(296.099)</b>	<b>1.990.589</b>	<b>5.501.621</b>	<b>5.496.640</b>

(\*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

#### 44. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình theo cam kết. Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập giới hạn tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng, đối với mỗi lĩnh vực ngành nghề cũng như thiết lập giới hạn tín dụng trung, dài hạn phù hợp với cơ cấu huy động vốn.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua xây dựng mức thẩm quyền phán quyết của từng chi nhánh trên cơ sở hiệu quả, chất lượng tín dụng thực tế của từng chi nhánh và đánh giá năng lực quản lý của từng chi nhánh, đánh giá tiềm năng của từng vùng.

Ngân hàng xây dựng chính sách khách hàng để sàng lọc, lựa chọn khách hàng, có chính sách ứng xử phù hợp, thống nhất đối với từng khách hàng. Ngân hàng xây dựng danh mục sản phẩm đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời xây dựng quy trình thẩm định, xét duyệt tín dụng tại chi nhánh và Hội sở chính nhằm thực hiện nhất quán trên toàn hệ thống, hạn chế các rủi ro tác nghiệp. Đồng thời, để tăng cường các biện pháp bảo đảm tiền vay, hạn chế rủi ro tác nghiệp, Ngân hàng đã ban hành các quy định hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện bảo đảm tiền vay.

##### Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá của Ngân hàng bao gồm các khoản cho vay bị quá hạn nhưng số dư dự phòng cụ thể cần trích lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính là bằng không.

Tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày	Từ 91 tới 180 ngày	Từ 181 tới 360 ngày	Trên 360 ngày
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay khách hàng	125.250	60.368	44.817	325.430

45. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

Loại tiền tệ	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2022
USD	24.270	23.540
EUR	26.836	25.122
GBP	30.891	28.368
CHF	28.794	25.509
JPY	171.41	178.90
SGD	18.381	17.562
CAD	18.329	17.398
AUD	16.581	16.008

46. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 23 tháng 2 năm 2024. Ngân hàng đã hoàn tất việc phát hành 120 triệu cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tổng mệnh giá là 1.200.000 triệu VND. Nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Người lập



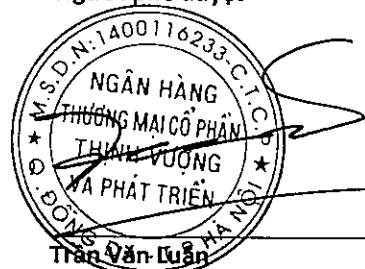
Hoàng Tố Tâm  
Chuyên gia Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Văn Luận  
Phó Tổng Giám đốc thường trực  
(Theo Quyết định Ủy quyền số 90/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch HĐQT)

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

\*\*\*